

## **Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị !**

### ***Kính thưa Quý cổ đông!***

Thay mặt Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần cơ khí và khoáng sản Hà Giang (HGM), tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Quý vị cổ đông, Quý vị đối tác, khách hàng cùng toàn thể cán bộ nhân viên đã đồng hành, gắn bó cùng chúng tôi trong suốt thời gian qua.

Chúng ta vừa trải qua năm 2019 trong bối cảnh nền kinh tế thế giới diễn ra nhiều biến động. Từ đầu năm 2019 đến nay, thị trường kim loại màu thế giới liên tục giảm mạnh, làm ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, các cơ chế chính sách của nhà nước trong lĩnh vực khai thác khoáng sản ngày càng chặt chẽ, giá cả một số nguyên liệu vật tư tăng cao so với năm trước, điều kiện thời tiết, địa hình khai thác, công nghệ... đã gây tác động xấu đến tình hình sản xuất kinh doanh. Trước những khó khăn, trở ngại như vậy, Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo công ty đã tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát chặt chẽ để cùng với toàn thể nhân viên vượt qua những biến động này.

Năm 2020 mở ra nhiều vận hội cùng với những thử thách mới đối với nền kinh tế Việt Nam nói chung cũng như ngành khoáng sản nói riêng. Với tinh thần vượt qua mọi thử thách, đón đầu cơ hội, tập thể cán bộ của công ty cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang quyết tâm hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020. Mục tiêu của toàn công ty năm 2020 là sẽ tiếp tục giữ vững vị thế là một trong những đơn vị dẫn đầu kinh doanh trong ngành khai thác và chế biến Antimon kim loại; phát triển bền vững, củng cố nguồn nhân lực; đẩy mạnh sản xuất, kiểm soát chi phí ở mức hợp lý, đem lại hiệu quả sản xuất kinh doanh cao nhất.

Thay mặt Ban lãnh đạo, cùng toàn thể cán bộ nhân viên Công ty Cổ phần cơ khí và khoáng sản Hà Giang, một lần nữa tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến Quý vị cổ đông đã luôn ủng hộ, tin tưởng và gắn bó cùng Công ty trong suốt thời gian qua. Hy vọng rằng, Quý vị sẽ luôn kề vai sát cánh cùng chúng tôi, tiếp tục phát huy sự hợp tác tốt đẹp nhất trong tương lai vì sự phát triển thịnh vượng cho tất cả chúng ta.

Kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Trân trọng cảm ơn.

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**Phạm Thành Đô**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ  
VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 02 /BC-HGM

Hà Giang, ngày 06 tháng 04 năm 2020

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019  
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG (HGM)**

**I. GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY**

**1. Thông tin về Công ty cổ phần cơ khí và khoáng sản Hà Giang (HGM):**

- Tên công ty: Công ty cổ phần cơ khí và khoáng sản Hà Giang.
- Tên tiếng Anh: Hà Giang Mineral and Mechanics Joint Stock Company.
- Tên Giao dịch quốc tế: HaGiang Mining.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5100101762
- Vốn điều lệ: 126.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 126.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: số 390, đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang
- Số điện thoại: 02193 866708
- Số fax: 02193867068
- Website: www.hgm.vn
- Mã cổ phiếu: HGM

**2. Các lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính:**

- Tổ chức thăm dò và chế biến các loại khoáng sản.
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt.
- Sản xuất, gia công các mặt hàng cơ khí, xây dựng và lắp đặt các công trình điện vừa và nhỏ có cấp điện áp đến 35 KV;
- Tổ chức các dịch vụ kinh doanh xuất nhập khẩu;
- Xây dựng và lắp đặt các công trình công nghiệp, giao thông và xây dựng...

**3. Tầm nhìn, sứ mệnh và định hướng phát triển:**

- Tầm nhìn: Trở thành một trong những Công ty hàng đầu sản xuất và cung cấp Antimon kim loại đạt tiêu chuẩn xuất khẩu tại Việt Nam
- Sứ mệnh: Xây dựng thương hiệu HGM thành thương hiệu mạnh và có uy tín đối với các nhà đầu tư trong và ngoài nước
- Định hướng phát triển:

**Đối với sản xuất:**

- ✓ Đầu tư hoàn thiện dây chuyền tuyển quặng Antimon để tận thu tài nguyên khoáng sản;
- ✓ Đầu tư hoàn thiện dây chuyền thiêu, luyện để nâng cao hiệu suất thu hồi;

- ✓ Tổ chức thăm dò, nâng cấp trữ lượng mỏ quặng Antimon Mậu Duệ đưa vào khai thác phục vụ nguyên liệu cho Nhà máy Luyện;
- ✓ Mở rộng thị trường tiêu thụ và tăng cường công tác thu mua quặng hàm lượng cao hỗ trợ nguyên liệu cho Nhà máy Luyện.
- ✓ Nâng cao chất lượng sản phẩm chế biến sâu.

***Đối với tổ chức và bộ máy điều hành:***

- ✓ Xây dựng bộ máy tổ chức với cơ chế phân cấp mạch lạc, rõ ràng;
- ✓ Mở rộng phạm vi, năng lực hoạt động kinh doanh.

***Đối với nguồn nhân lực***

- ✓ Tăng cường đào tạo, nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ;
- ✓ Đổi mới, hoàn thiện cơ chế sử dụng lao động, cơ chế trả lương;
- ✓ Thực hiện tốt quy chế lao động và xây dựng văn hóa doanh nghiệp.

***Đối với công nghệ, máy móc thiết bị***

- ✓ Nghiên cứu và ứng dụng những công nghệ mới trong sản xuất nhằm nâng cao hiệu suất thu hồi quặng.
- ✓ Đầu tư trang thiết bị máy móc mới để nâng cao năng suất lao động.

**4. Những chặng đường phát triển của Công ty:**

- **Năm 1995**, Xí nghiệp Cơ khí Hà Giang, tiền thân của Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang được hợp nhất với Công ty Khai thác và Chế biến Khoáng sản Hà Giang thành Công ty Cơ khí và Khai thác Khoáng sản Hà Giang trực thuộc Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Giang.

- **Năm 1996**, Công ty Cơ khí và Khai thác Khoáng sản Hà Giang được cấp giấy phép khai thác khoáng sản quặng antimon tại mỏ Mậu Duệ, xã Mậu Duệ, Yên Minh, Hà Giang do Bộ Công nghiệp cấp với thời hạn hoạt động là 30 năm.

- **Năm 2002**, Dây truyền tuyển quặng antimony cho ra sản phẩm đầu tiên.

- **Năm 2003**, Công ty Cơ khí và Khai thác Khoáng sản Hà Giang nhận giấy phép khai thác tận thu khoáng sản Chì Kẽm tại điểm quặng tại xã Minh Sơn, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang.

- **Năm 2004**, Sản phẩm của công ty đoạt Huy chương Vàng sản phẩm kim loại Antimon tại Hội chợ Triển lãm Thương mại Quốc tế EXPO, giải thưởng chất lượng Vàng Việt Nam và nhiều giải thưởng khác.

- **Năm 2005**, Công ty Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang được cổ phần hóa theo Quyết định số 2050/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hà Giang.

Xí nghiệp hợp doanh Hà Vân ra đời là kết quả hợp tác giữa Công ty Hữu hạn Kinh mậu Chúng Thao Vân Nam (Trung quốc) và Công ty Cơ khí và khai thác khoáng sản Hà Giang (Việt Nam) thực hiện chức năng tuyển quặng chì, kẽm.

- **Năm 2006**, Công ty chuyển đổi hình thức hoạt động từ Doanh nghiệp Nhà nước sang mô hình Công ty Cổ phần. Đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 28/2/2006 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Hà Giang cấp.

- **Năm 2009**, Niêm yết cổ phiếu ngày 21/12/2009, cổ phiếu của Công ty được niêm yết và giao dịch lần đầu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán: HGM. Số lượng cổ phiếu niêm yết là 6.000.000 cổ phiếu.

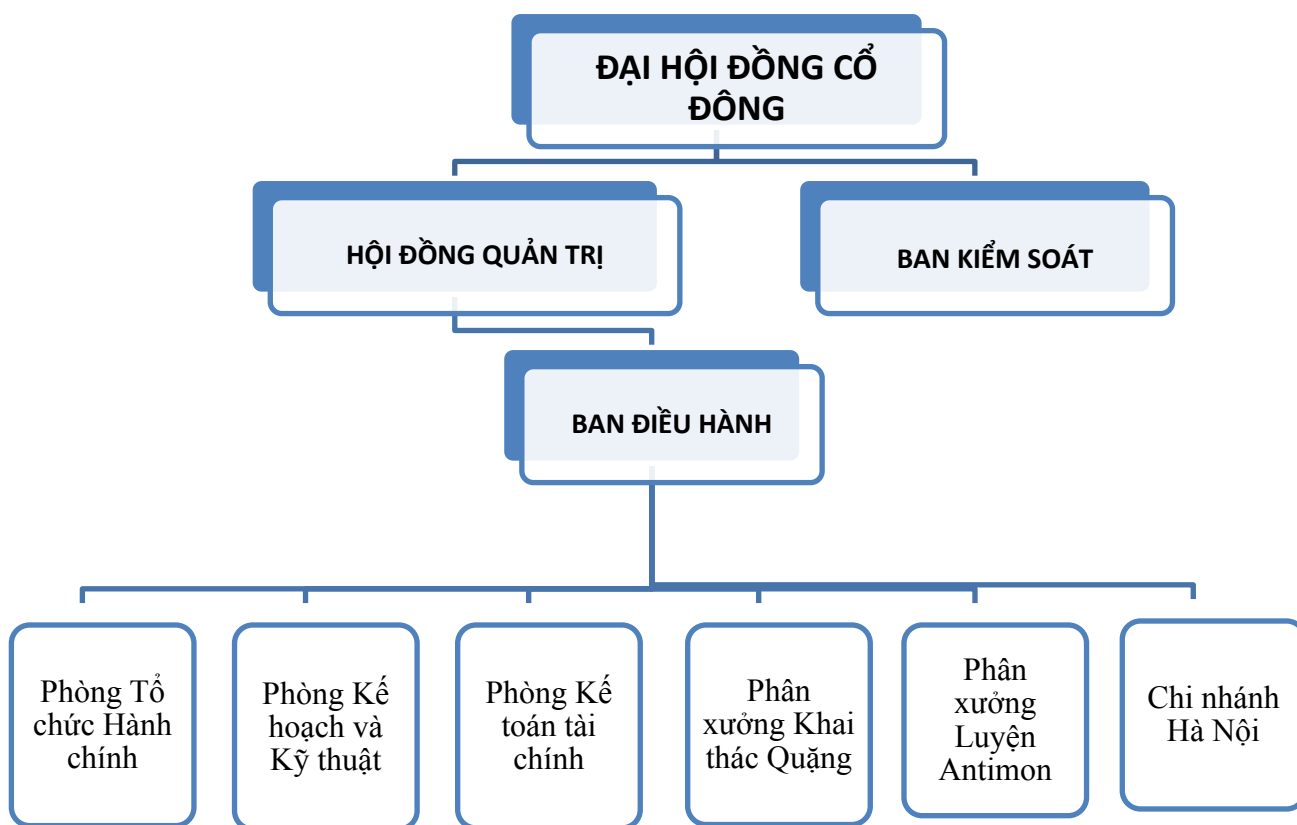
**Năm 2012**, Thành lập Chi nhánh Hà Nội – Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang”.

**Năm 2013**, Công ty phát hành cổ phiếu thưởng cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1, nâng vốn điều lệ lên 126.000.000.000 đồng. Số lượng cổ phiếu niêm yết là 12.600.000 cổ phiếu.

## 5. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

### 5.1. Mô hình quản trị:

Sơ đồ tổ chức công ty Cổ Phần Cơ Khí và Khoáng Sản Hà Giang



### 5.2. Cơ cấu tổ chức:

Cơ cấu tổ chức của Công ty được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần như dưới đây:

- Đại hội đồng cổ đông: Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất Công ty, có quyền quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Luật pháp và điều lệ Công ty quy định
- Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu; gồm có 07 người và thực hiện chức



năng giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty.

- Ban kiểm soát: Là cơ quan kiểm tra, giám sát toàn diện mọi hoạt động của Công ty theo Quy định tại Điều 123 Luật Doanh nghiệp 68/2014/QH14 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Ban Kiểm soát thẩm định Báo cáo tài chính hàng năm, kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến hoạt động tài chính khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn. Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác và hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ.
- Ban điều hành do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu sự giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị. Ban điều hành chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Ban điều hành của Công ty gồm có Giám đốc, các Phó giám đốc và Kế toán trưởng.

### 5.3. Tình hình lao động:

Tổng số lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2019 là 149 người, giảm 3 người so với năm 2018. Bao gồm 12 dân tộc: Kinh, Tày, Giáy, Clao, Nùng, Cao Lan, Sán Chỉ, Dao, H'mông, Hoa, Thái, Mường. Hiện lao động là người dân tộc thiểu số và người địa phương chiếm khoảng 55% tổng số lao động của Công ty.

Tổng số lao động phân theo cơ cấu tổ chức như sau:

- Công nhân trực tiếp sản xuất: 78 người, lao động gián tiếp là 30 người;
- Lực lượng bảo vệ: 21 người, Công nhân phục vụ: 9 người;
- Cấp quản lý: 11 người.

Tổng số lao động phân theo giới tính: 120 người, Nữ: 29 người.

Với đặc thù là doanh nghiệp sản xuất, trong tổng số lao động 149 người: Số lao động có trình độ cao đẳng, đại học trở lên là 22 người; số lao động còn lại chủ yếu là công nhân kỹ thuật và lao động khác.

### 5.4. Các tổ chức đoàn thể trong Công ty:

- Tổ chức Đảng trong doanh nghiệp: gồm một chi bộ Đảng với 28 Đảng viên. Có Bí thư và 1 Phó Bí thư Chi bộ.
- Tổ chức Công đoàn, bao gồm toàn thể CBCNV, người lao động trong công ty.
- Tổ chức đoàn thanh niên: Đoàn thanh niên Công ty gồm 3 chi đoàn với 120 đoàn viên thanh niên.

## 6. Các rủi ro:

- Rủi ro về pháp luật: Lĩnh vực sản xuất và kinh doanh khoáng sản ngày càng chịu sự thắt chặt của Luật Khoáng sản, Luật Bảo vệ tài nguyên và môi trường, Luật quản lý thuế ... Do vậy sự thay đổi về chính sách của Nhà nước đều ảnh hưởng đến chiến lược và kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.
- Rủi ro về nguyên liệu đầu vào: Khoáng sản là nguồn tài nguyên không tái tạo được, đồng thời do nguồn tài nguyên này nằm sâu dưới lòng đất nên không thể có sự thăm dò chính xác về trữ lượng tài nguyên. Do vậy những yếu tố về trữ lượng, chất lượng khoáng sản ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh của Công ty.

- Rủi ro về thời tiết: Do đặc thù của ngành khai thác khoáng sản là khai thác lộ thiên hoặc khai thác hầm lò do vậy ảnh hưởng của thời tiết, ví dụ như mưa nhiều đều ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động khai thác khoáng sản của Công ty.
- Rủi ro về môi trường: Việc khai thác và chế biến khoáng sản nhìn chung đều có ảnh hưởng đến môi trường tự nhiên do vậy hoạt động sản xuất kinh doanh rất tiềm ẩn rủi ro bị rơi vào các tranh cãi pháp lý.

## **7. Các hoạt động xã hội năm 2019:**

Hoạt động an sinh, xã hội ở phạm vi địa bàn Công ty đang hoạt động là một trong những công tác được Công ty chú trọng từ khi thành lập đến nay. Trong năm vừa qua Công ty đã tích cực vận động cán bộ công nhân lao động, các cổ đông thực hiện công tác an sinh xã hội, nhân đạo từ thiện đối với các đối tượng khó khăn tại địa bàn xã Hữu Vinh và xã Mậu Duệ.

Tại địa bàn xã Hữu Vinh: Trong năm vừa qua Công ty đã thực hiện hỗ trợ quà Tết Kỷ Hợi cho các hộ nghèo, người tàn tật, gia đình thương binh, nạn nhân chất độc da cam, tổ chức đoàn thể, trường học ... kinh phí 50 triệu đồng. Hỗ trợ mua cây giống cho UBND xã Hữu Vinh 52 triệu đồng, tài trợ cho 3 trường học tại xã Hữu Vinh nhân dịp khai giảng năm học mới 9 triệu đồng.

Tại địa bàn xã Mậu Duệ: Công ty đã hỗ trợ xã Mậu Duệ Tết Kỷ Hợi 2019 số tiền 95 triệu đồng, hỗ trợ các trường tiểu học trong xã 82 triệu đồng. Hỗ trợ kinh phí xây dựng lần 2 đường nông thôn mới của huyện Yên Minh 1 tỷ đồng.

Ngoài ra công ty còn tích cực đóng góp hỗ trợ các đơn vị khác trong tỉnh tổng số tiền 448,046 triệu đồng, trong đó có hoạt động hỗ trợ cho các hộ nghèo, gia đình chính sách khó khăn về nhà ở tại địa bàn tỉnh Hà Giang là 300 triệu đồng theo chủ trương của Tỉnh.

## **II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:**

### **1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

Trong năm 2019 đã có thêm nhiều nhà thương mại trong nước tìm đến sản phẩm của Công ty. Công ty đã chủ động mở rộng thị trường xuất khẩu, giới thiệu sản phẩm Antimon đến nhiều đối tác khác ngoài đối tác truyền thống của Công ty. Do vậy lượng tiêu thụ kim loại thành phẩm vẫn đạt và vượt kế hoạch tiêu thụ đề ra. Tiêu thụ kim loại trong năm đạt 581 tấn kim loại, đạt 105,68% kế hoạch; trong đó Kim loại xuất khẩu đạt 509,043tấn, chiếm 87,6%, bán nội địa đạt 72,049tấn, chiếm 12,4%. Để đạt được kết quả này, toàn thể người lao động của Công ty đã có những cải tiến và nỗ lực trong công tác tổ chức sản xuất. Cụ thể

- Cải tiến kỹ thuật trong công tác thiêu luyện, nâng cao hiệu suất thu hồi Antimon. Việc cải tiến kỹ thuật thiêu luyện đã tận dụng được lượng quặng hàm lượng thấp, hạn chế việc khai thác tài nguyên; đồng thời tận dụng được hết lượng quặng bột, lượng xỉ bột hiện có.
- Thực hiện xong dự án cải tạo sửa chữa lò thiêu quặng đưa vào ổn định sản xuất từ tháng 8/2019.
- Đào tạo nâng cao tay nghề công nhân thiêu luyện, người lao động đã từng bước làm chủ được công nghệ mới, sản xuất đi vào ổn định.

Nhưng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn đối mặt với những thực trạng khó khăn như sau:

- Thứ nhất: Thiếu nguyên liệu quặng hàm lượng cao đưa vào phối trộn cùng xỉ bột và bột quặng thiêu dẫn đến hàm lượng Antimon thu hồi thấp, không ổn định;
- Thứ hai: Công tác khai thác khó khăn do thiếu chỗ đổ thải, lượng quặng khai thác có hàm lượng cao càng ngày càng giảm.
- Thứ ba: Một số bộ phận thiếu nguồn lao động (CN sản xuất trực tiếp, lái xe, thợ sửa chữa). Việc thu hút, giữ chân lao động có tay nghề còn nhiều khó khăn tính chất công việc, điều kiện địa bàn xa xôi và chính sách, chế độ công ty còn hạn chế.
- Thứ tư: Hệ thống lò luyện tinh đã xuống cấp, trong năm đã xảy ra sự cố đột xuất của lò luyện đã ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất.

Mặc dù gặp những khó khăn như trên nhưng với sự sát sao của Hội đồng quản trị và nỗ lực của toàn thể cán bộ công nhân viên, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm vẫn đạt được như sau:

**Bảng 1: Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2019**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019		So sánh thực hiện (%)	
			Kế hoạch	Thực hiện 2019	So KH cả năm	So cùng kỳ 2018
1	Tổng doanh thu: <i>Trong đó</i>	Tỷ		92,813		77,23
	- DT kim loại antimony	Tỷ	89	89,233	100,26	79,64
	- DT hoạt động tài chính	Tỷ	3,0	3,5	116	44,8
	- Doanh thu khác	Tỷ	0,078	0,080	102,5	98,7
2	Kim loại tiêu thụ	Tấn	550	581,092	105,68	96,51
3	Sản phẩm sản xuất					
	- Kim loại antimony	Tấn	700	702	100,3	139,31
	- Khai thác	Tấn	3.400	3.784,3	111,30	76,62
4	Lao động					
	- Lao động bình quân	Lđ	153	147	96	96
5	Quỹ lương					
	- Tổng quỹ tiền lương	Trđ	18,49	18,5	100,1	106,8
	- Thu nhập bình quân	Triệu	9,6	13,7	133,3	111,3
6	Nộp ngân sách	Tỷ	33,5	23,3	69,52	78,56
7	Lợi nhuận trước thuế (ước)	Tỷ	18	7,1	39,4	17,75
8	Cổ tức 2019 ≥	%	8%			

*Nguồn: Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị*

**Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019:**

- Mặc dù thiếu chỗ đổ thải nhưng lượng quặng khai thác phục vụ sản xuất trong năm vẫn đạt 3.784 tấn vượt kế hoạch đề ra 111,3%

- Sản lượng sản xuất kim loại cả năm 2019 đạt 702 tấn, đạt 100% kế hoạch đề ra. Trong năm, công ty đã thực hiện nhiều cải tiến trong công tác thiêu luyện làm giảm hàm lượng Antimon bị kẹp trong xỉ, nâng cao hiệu xuất thu hồi Antimon kim loại.
- Tiêu thụ kim loại trong năm đạt 581 tấn, vượt kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông đề ra.
- Doanh thu bán kim loại năm 2019 chỉ đạt 89 tỷ đồng đạt kế hoạch nhưng chỉ bằng 79,64% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu năm nay giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước là do giá bán bình quân năm 2019 giảm 18,2% so với năm 2018.
- Lợi nhuận trước thuế (chưa trích lập các khoản dự phòng) đạt kế hoạch năm, sau khi trích lập chỉ đạt 7,1 tỷ đồng, bằng 39,4% so với kế hoạch đề ra do giá bán kim loại trong năm giảm mạnh so với năm trước và một phần lợi nhuận dành cho trích lập dự phòng hoạt động đầu tư.

## 2. Tổ chức và nhân sự:

Danh sách Ban Điều hành:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần năm giữ (cp)	Tỷ lệ (%)
1	Ma Ngọc Tiến	Giám đốc	40.800	0,323
2	Trịnh Ngọc Hiếu	Phó Giám đốc	245.200	1,946
3	Nguyễn Văn Biên	Phó Giám đốc	40.400	0,320
4	Đỗ Khắc Hùng	Kế toán trưởng	78.000	0,619

## 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

### 3.1. Về hoạt động đầu tư

Hiện công ty có một công ty liên kết là Công ty cổ phần Khai thác, chế biến khoáng sản Hải Dương, tương ứng với tỷ lệ sở hữu 35,7% vốn điều lệ của Công ty cổ phần khai thác, chế biến khoáng sản Hải Dương.

Ngoài công ty liên kết như trên, Công ty cổ phần cơ khí và khoáng sản Hà Giang hiện có đầu tư vào đơn vị khác là: Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng. Hiện công ty đang sở hữu 4.166.988 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ sở hữu 9,69% Vốn điều lệ của Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng.

### 3.2. Về việc triển khai các dự án

#### 3.2.1. Các Dự án đầu tư đã hoàn thành:

- DA nâng cấp trữ lượng mỏ: Đã hoàn thiện hồ sơ đang chờ Hội đồng đánh giá trữ lượng quốc gia thẩm định hồ sơ.
- Trạm xử lý khí thải Nhà máy thiêu luyện: đã hoàn thành đưa vào sử dụng;
- Hệ thống xử lý nước thải tại mỏ khai thác: đã hoàn thành đưa vào sử dụng;
- Cải tạo nâng cấp lò thiêu bằng.

3.2.2. Các dự án đầu tư dở dang chuyển tiếp sang 2020: Bao gồm: DA dây truyền tuyến rửa quặng, Đầu tư Trạm biến áp 320 KVA 35 KV; Xây lò luyện xỉ; Nhà xưởng nhật quặng; Sửa chữa đường kênh dẫn nước Bãi thải I; Bãi thải I; Cải tạo sửa chữa hệ thống luyện kim loại.



#### 4. Tình hình tài chính:

##### 4.1. Tình hình tài chính:

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng/giảm
1	Tổng giá trị tài sản	250.628.511.702	178.376.329.485	- 29%
2	Doanh thu thuần	112.168.894.987	89.233.758.789	- 20%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	41.622.464.625	7.822.250.470	- 81%
4	Lợi nhuận khác	(1.558.395.279)	(663.368.691)	- 57%
5	Lợi nhuận trước thuế	40.064.069.346	7.158.881.779	- 82%
6	Lợi nhuận sau thuế	35.192.948.358	6.203.619.934	- 82%
7	Tỷ lệ trả cổ tức	≥ 15%		

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019

Do giá kim loại Antimon thế giới năm 2019 sụt giảm mạnh so với năm 2018 và do thanh toán cổ tức bằng tiền mặt với mức 5.500 đ/cổ phần nên các chỉ số đánh giá tình hình tài chính của Công ty đều giảm mạnh so với năm trước.

##### 4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2018	Năm 2019
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSNH/NNH)	Lần	6,55	6,89
	Hệ số thanh toán nhanh (Tiền/NNH)	Lần	0,77	0,55
2	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	14,16	15,10
	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	16,49	17,79
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	2,68	2,55
	Vòng quay Tổng tài sản	Vòng	0,52	0,41
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	31.3%	6.95%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	16.36%	4.10%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	14.04%	3.48%
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	37.11%	8.77%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019

#### 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu:

##### ➤ Cổ phần:

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu công ty cổ phần cơ khí và khoáng sản Hà Giang;

- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông;
- Mệnh giá: 10.000 đ/cp;
- Tổng số cổ phần: 12.600.00 cp;
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 679.280 cp;
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 11.920.720 cp.

➤ Cơ cấu cổ đông:

STT	Thành phần	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ
I	Cổ đông trong nước			
1	Tổ chức	03	7.277.380	57,76%
2	Cá nhân	127	4.620.140	36,67%
	<b>Tổng</b>	<b>130</b>	<b>11.897.520</b>	
II	Cổ đông nước ngoài			
1	Tổ chức	4	5.100	0,04%
2	Cá nhân	6	18.100	0,14%
	Tổng	10	23.200	
III	Cổ phiếu quỹ		679.280	5,39%
	<b>Tổng cộng:</b>	<b>140</b>	<b>12.600.000</b>	<b>100%</b>

- Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không;
- Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không;
- Các chứng khoán khác: Không.

### III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC:

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2019 là năm thứ tư thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ 2016 – 2020, Công ty đã từng bước thực hiện cải tiến công nghệ sản xuất, tập trung vào việc nâng cao tỷ lệ thu hồi Antimon kim loại. Năm 2019 đã đánh dấu những bước đầu thành công trong việc cải tiến kỹ thuật thiêu, tận dụng được lượng quặng nghèo và các loại nguyên liệu đầu vào sẵn có như quặng bột và xỉ bột.

Bên cạnh cải tiến trong công tác thiêu luyện, công ty cũng tìm cách nâng cao hiệu quả hoạt động khai thác. Mặc dù công tác khai thác quặng càng ngày càng khó khăn do khai thác xuống sâu nhưng lượng quặng khai thác vẫn bảo đảm cho tiến độ sản xuất của Công ty. Bên cạnh đó, công ty đã nghiên cứu kỹ thuật tuyển rửa nhằm nâng cao tỷ lệ quặng thu hồi so với hiện tại.

Trong năm, Ban giám đốc đã tập trung hoàn thành một số dự án có quan trọng, có tác dụng cốt lõi đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như:

- Trạm xử lý khí thải Nhà máy thiêu luyện: Công trình đã thi công xong nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng quý II/2019.
- Thi công lắp đặt hệ thống xử lý nước thải tại mỏ khai thác
- Cải tạo nâng cấp lò thiêu bằng.
- Dự án nâng cấp trữ lượng mỏ: Đã hoàn thiện hồ sơ đang chờ Hội đồng đánh giá trữ lượng quốc gia thẩm định hồ sơ.

Bên cạnh đó đó, Công ty cũng chú trọng đến công tác kiểm tra môi trường. Năm 2019 đã tổ chức thi công lắp đặt trạm xử lý khí thải của Nhà máy luyện antimon Mậu Duệ để đưa vào sản xuất; tổ chức phương án xử lý ô nhiễm nguồn nước thải sau đập hạ lưu mỏ Mậu Duệ.

## 2. Tình hình tài chính:

### ➤ Tình hình tài sản:

*Đơn vị tính: VNĐ*

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Tài sản ngắn hạn	145.198.138.413	57,93%	94.684.698.880	53,08%
Tài sản dài hạn	105.430.373.289	42,07%	83.691.630.605	46,92%
Tổng cộng tài sản	250.628.511.702	100%	178.376.329.485	100%

*Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019*

Tình hình tài sản của Công ty trong năm 2019 đã giảm 28,83% so với năm 2018. Trong đó giá trị tài sản ngắn hạn năm 2019 sụt giảm so với năm 2018 chủ yếu là do trong năm Công ty thực hiện thanh toán cổ tức đợt 2 với tỷ lệ 55% năm 2018 bằng tiền mặt tương đương 65,56 tỷ đồng và tài sản dài hạn sụt giảm do Công ty phải thực hiện trích lập thêm dự phòng Đầu tư tài chính dài hạn.

### ➤ Tình hình nợ phải trả:

*Đơn vị tính: VNĐ*

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Nợ ngắn hạn	22.165.621.608	62.46%	13.730.829.136	74%
Nợ dài hạn	13.325.020.382	37.54%	13.217.790.382	26%
Tổng nợ phải trả	35.490.641.990	100%	26.948.619.518	100%

*Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019*

Tình hình nợ ngắn hạn năm 2019 đã sụt giảm đáng kể so với năm 2018 chủ yếu là do giảm các khoản phải trả ngắn hạn khác và do giảm khoản Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước.

### **3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:**

Nhằm tinh giản bộ máy quản lý gián tiếp, trong năm 2019 Ban giám đốc Công ty đã trình Hội đồng quản trị thông qua việc sát nhập Phòng Đầu tư và Phòng kế hoạch kỹ thuật. Đồng thời để thực hiện việc theo dõi sát sao hơn đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư của Công ty, Ban Giám đốc đã trình Hội đồng quản trị ra Quyết định cử Người đại diện tại các doanh nghiệp đầu tư, trong đó nêu rõ nghĩa vụ, trách nhiệm của Người đại diện tại các doanh nghiệp đầu tư.

### **4. Phương hướng hoạt động SXKD năm 2020:**

#### **4.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020:**

##### **➤ Về tình hình thị trường Antimon thế giới:**

Đầu năm 2020, tình hình dịch bệnh do virus Corona đã gây ảnh hưởng đến toàn thế giới, đặc biệt làm ngừng trệ toàn bộ nền kinh tế Trung Quốc- nơi khởi nguồn dịch bệnh. Trung Quốc là trung tâm sản xuất Antimon lớn nhất thế giới, tình hình dịch bệnh kéo dài sau kì nghỉ Tết nguyên đán khiến cho một loạt các nhà máy khai thác và chế biến Antimon tạm dừng hoạt động. Nguồn nguyên liệu sản xuất không có cũng như việc hạn chế vận chuyển hàng hóa trong thời điểm dịch bệnh gây ảnh hưởng lớn đến nguồn cung Antimon thế giới. Giá Antimon được nhận định sẽ tăng dần trong quý đầu tiên của năm 2020 do sự thắt chặt nguồn cung hiện tại.

Bên cạnh đó, nguồn cung Antimon thế giới có thể sẽ bị thay đổi quy mô lớn đôi khi nhà máy chế biến vàng và Antimon của Strategic & Precious Metal ở Sohar, Oman được đưa vào hoạt động. Nhà máy sản xuất tại Oman đưa mục tiêu đạt 50% công suất vào giữa năm 2020 và 100% công suất vào cuối năm 2020. Quy mô sản xuất ước tính đạt 20,000 tấn Antimon vào cuối năm 2020. Nhà máy này chiếm khoảng 12% sản lượng antimon trung bình hàng năm trên thế giới. Cùng với một nhà máy luyện kim khác ở Tajikistan, nhà máy SPMP được kỳ vọng sẽ giảm tỷ lệ antimon toàn cầu của Trung Quốc với đóng góp toàn cầu của Trung Quốc giảm xuống còn 78% từ 85% trong những năm gần đây. Theo Khảo sát Địa chất Hoa Kỳ sự đa dạng hóa nguồn cung có thể tác động khiến giá Antimon giảm và hạn chế sự kiểm soát của Trung Quốc đối với thị trường. Nguồn cầu của thế giới đối với Antimon được đánh giá vẫn ở mức trung bình, không có sự đột biến đáng kể nào.

##### **➤ Tác động của các yếu tố kinh tế, xã hội trong nước:**

Ban Giám đốc dự báo năm 2020 Công ty sẽ gặp thách thức, khó khăn ở các nhân tố trong nước như sau:

- Thiết kế khai thác ngày càng phải khai thác xuống sâu và xa hơn nên cung độ vận chuyển và hệ số bóc tách tăng, hàm lượng quặng khai thác giảm.
- Chi phí thuế tài nguyên tăng cao.
- Ngành công nghiệp khoáng sản còn phụ thuộc rất nhiều vào yếu tố môi trường, vấn đề bảo vệ tài nguyên môi trường, xử lý chất thải sau khai thác là một thách thức không nhỏ đối với Công ty. Sức ép về sự gia tăng của các khoản phí, phí tài nguyên môi trường, phí xử lý chất thải, tiền thuê đất, phí khai thác tận thu khoáng sản... ngày càng cao cũng làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.



- Ảnh hưởng của dịch bệnh dẫn đến việc triển khai chuyên giao kỹ thuật luyện của đối tác Trung Quốc bị gián đoạn, việc cung cấp vật tư, nguyên liệu đầu vào gián đoạn, thiếu nguồn lao động thuê ngoài.

Bên cạnh những yếu tố khó khăn như trên, Công ty còn phải tập trung thực hiện các hoạt động trọng yếu có tác động cốt lõi đến hoạt động sản xuất của Công ty như: Hoàn thiện Dự án thăm dò nâng cấp trữ lượng mỏ, thực hiện phương án tuyển rửa quặng, cải tạo nâng cấp thiết bị luyện kim loại Antimon.

#### 4.2. Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2020:

Trên cơ sở đánh giá một cách thận trọng về thị trường antimony thế giới và tình hình môi trường kinh doanh trong nước, Ban điều hành đưa ra một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh cơ bản chính trong năm 2020 như bảng dưới đây:

**Bảng 2: Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất năm 2020:**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Số kế hoạch
1	Sản xuất Kim loại Antimony	Tấn	700
2	Tiêu thụ Kim loại Antimony	Tấn	760
3	Doanh thu bán hàng	Tỷ	105
4	Lợi nhuận trước thuế (chưa trích lập dự phòng)	Tỷ	12

Trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh, Công ty xây dựng kế hoạch đầu tư xây dựng của năm 2020 như sau:

**Bảng 3: Kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2020:**

TT	Hạng mục	ĐVT	Dự toán	Ghi chú
1	Nâng cấp trữ lượng mỏ Mậu Duệ	Tỷ	2,53	Chuyển tiếp
2	Hoàn thiện bãi thải số 1	Tỷ	0,113	Chuyển tiếp
3	Nâng cấp hệ thống luyện Kim loại	Tỷ	6,0	Đầu tư mới
4	Đầu tư dây chuyền rửa quặng	Tỷ	4,5	Chuyển tiếp
5	Trạm biến áp 320 KVA	Tỷ	1,3	Chuyển tiếp
6	Sửa chữa hệ thống kênh bãi thải I	Tỷ	1,0	Chuyển tiếp
	<b>Tổng cộng</b>	<b>Tỷ</b>	<b>15,44</b>	

#### 4.3. Các giải pháp thực hiện mục tiêu kinh doanh năm 2020:

##### ➤ Nhóm giải pháp thúc đẩy hoạt động khai thác:

- Tập trung bóc xúc khối lượng mỏ theo kế hoạch, tăng cường công tác khai thác, tuyển đảm bảo lượng quặng cung cấp cho sản xuất;

- Xây dựng phương án thiết kế khai thác hiệu quả, linh hoạt có khả năng ứng phó kịp thời với thời tiết khí hậu, tận thu được nhiều nhất tài nguyên, hạn chế ô nhiễm môi trường.

##### ➤ Nhóm giải pháp đối với hoạt động thiêu luyện:

- Nâng cấp hệ thống lò luyện kim loại hiện tại.

- Hoàn thiện việc điều chỉnh kỹ thuật lò thiêu, tăng cường các biện pháp để nâng cao năng suất và hiệu quả thu hồi trong thiêu đảm bảo đủ phục vụ cho tinh luyện.
- Xây dựng phương án cải tạo nâng cấp trạm khí hóa than; thay ống cong, phễu thu, buồng thu bụi túi vải hệ thống luyện tinh.
- Xây dựng thang bảng lương nhằm tạo động lực cho người lao động nâng cao năng suất lao động và hiệu suất thu hồi trong thiêu đảm bảo phục vụ cho tinh luyện
  - **Tăng cường công tác tiêu thụ sản phẩm và đa dạng hóa loại sản phẩm, tích cực mở rộng đối tượng khách hàng mới.**
  - **Nhóm giải pháp về quản trị điều hành**
- Nâng cao chất lượng nhân sự, đặc biệt là nhân sự quản lý để phát huy vai trò tham mưu và kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thông qua các chương trình đào tạo hiệu quả và chính sách đãi ngộ phù hợp với từng cấp bậc và vị trí;
- Thường xuyên kiểm tra, giám sát hoạt động của các Phòng ban, Phân xưởng và chi nhánh để kịp thời điều chỉnh, giúp giảm thiểu các rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại các đơn vị.
- Hoàn thiện cơ chế, chính sách tiền lương để người lao động được trả lương tương xứng

## **5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến ngoại trừ của Kiểm toán:**

### ***Ý kiến kiểm toán ngoại trừ:***

Về khoản trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn: Công ty đang trình bày khoản đầu tư tài chính vào Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng (CBI) theo giá gốc và Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn với số tiền với số tiền lần lượt là 69.469.880.000 đồng và 39.377.139.515 đồng căn cứ theo số liệu các báo cáo tài chính cùng năm tài chính của Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng theo hướng dẫn tại Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ tài chính và Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 8 năm 2019, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2019 và áp dụng cho năm tài chính 2019. Tuy nhiên theo ý kiến của đơn vị kiểm toán thì nếu Công ty trích lập dự phòng dựa trên giá trị đầu tư thực tế theo chuẩn mực kế toán thì phát sinh số phải trích lập thêm khoảng 27,8 tỷ đồng so với phương pháp trích lập dự phòng theo mệnh giá đầu tư mà công ty đang thực hiện. Do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý các khoản đầu tư tài chính, Ban Giám đốc Công ty đánh giá cần trọng và tin tưởng rằng việc ghi nhận giá trị khoản đầu tư tài chính và dự phòng đầu tư tài chính dài hạn mà Công ty đang áp dụng không làm ảnh hưởng trọng yếu đến quyết định của người đọc Báo cáo tài chính.

### ***Vấn đề cần nhấn mạnh***

Về các dự án đầu tư chưa thực hiện: Dự án nhà máy tuyển quặng antimony Mậu Duệ đã được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phê duyệt từ năm 2013, Công ty đã thực hiện thuê thiết kế kỹ thuật, thuê tư vấn đầu tư và đã được cấp Giấy phép đầu tư. Tuy nhiên đến thời điểm này thì công nghệ kỹ thuật theo phương án không còn phù hợp với tình hình thực tế của Công ty, Hội đồng quản trị Công ty đang xem xét đánh giá lại công nghệ và hiệu quả của dự án. Đến thời điểm này, công ty đang xây dựng phương án

và lựa chọn công nghệ phù hợp để trình Hội đồng quản trị quyết định triển khai đầu tư hay dừng dự án vào thời điểm thích hợp.

Về khoản nghĩa vụ đóng góp cho địa phương để nâng cấp duy tu, xây dựng hạ tầng kỹ thuật và xây dựng công trình phúc lợi trên địa bàn tỉnh theo quyết định số 2621/2012/QĐ-UBND, ngày 3/12/2012 của UBND tỉnh Hà Giang:

Căn cứ Công văn số 109/BC-CT, ngày 26/06/2014 của Cục thuế Tỉnh Hà Giang và các cơ quan liên quan về việc đề nghị Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hà Giang xem xét báo cáo thường trực Hội đồng Nhân dân Tỉnh về việc tạm dừng thực hiện thu khoản đóng góp nêu trên. Trên cơ sở đó, Công ty đã không trích lập và nộp khoản này từ năm 2015. Tại thời điểm phát hành báo cáo này, HĐQT, Ủy ban nhân dân Tỉnh chưa ban hành quyết định dừng thu khoản đóng góp cho địa phương nêu trên. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng việc không trích lập khoản này là phù hợp và không ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh.

Về khoản thuế Thu nhập doanh nghiệp được ưu đãi khi Doanh nghiệp cổ phần hoá năm 2006 cho giai đoạn 2008-2018 theo kết quả làm việc của Đoàn kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 của Kiểm toán Nhà nước khu vực VII. Ngày 24/9/2019, Công ty đã có ý kiến giải trình bằng văn bản gửi Đoàn kiểm toán và Cục thuế địa phương. Công ty tin tưởng rằng việc Công ty đang áp dụng thực hiện hưởng ưu đãi Thuế thu nhập doanh nghiệp khi chuyển đổi cổ phần hoá từ năm 2006 đến nay theo các văn bản hướng dẫn của Tổng cục Thuế và Cục thuế địa phương là phù hợp với chế độ đã ban hành.

#### **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:**

##### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:**

Năm 2019 là năm Công ty gặp nhiều khó khăn trong cả hoạt động sản xuất cũng như chịu tác động bất lợi do giá Antimon giảm đã ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả kinh doanh của Công ty. Trước những khó khăn, thách thức như vậy, Công ty đã có nhiều nỗ lực để vượt qua.

##### **1.1. Công tác tổ chức sản xuất:**

Trong năm 2019, trong điều kiện khai thác xuống sâu ngày càng khó khăn, Ban Giám đốc đã sát sao trong công tác chỉ đạo, điều hành để bảo đảm khai thác đủ quãng dùng cho sản xuất. Bên cạnh đó triển khai cải tiến công tác thiêu luyện, nâng cao tỷ lệ thu hồi Antimon kim loại.

##### **1.2. Công tác mở rộng thị trường:**

Bên cạnh các khách hàng truyền thống, Công ty đã tìm kiếm thêm nhiều đối tác xuất khẩu ở nhiều quốc gia trên thế giới. Đồng thời cũng tìm kiếm thêm các nhà thương mại trong nước.

##### **1.3. Công tác an toàn lao động và bảo vệ môi trường:**

Trong tổ chức sản xuất đã áp dụng nhiều biện pháp an toàn, vệ sinh lao động. Công ty thực hiện trang cấp đầy đủ bảo hộ lao động và tập huấn an toàn vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy và khám sức khỏe định kỳ cho người lao động.

Tuân thủ chặt chẽ các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản. Thực hiện trồng cây xanh và cải tạo cảnh quan môi trường khu vực mỏ theo yêu cầu của các cơ quan chức năng.

## **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Ban Giám đốc công ty:**

Trong năm, Ban Giám đốc đã phối hợp chặt chẽ, thường xuyên cùng Hội đồng quản trị để thực hiện kế hoạch sản xuất được đề ra của Đại hội đồng cổ đông. Do đặc thù có 5/7 thành viên Hội đồng quản trị là không tham gia điều hành, Ban giám đốc đã thường xuyên gửi email hoặc điện thoại báo cáo các đề các thành viên Hội đồng quản trị nắm bắt được tình hình để cùng nhau thống nhất ra quyết định về hoạt động quản trị của Công ty. Năm 2019, Ban giám đốc đã có trách nhiệm và chỉ đạo hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

## **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:**

Hội đồng quản trị định hướng Ban giám đốc Công ty thực hiện sản xuất kinh doanh theo hướng bền vững, tận dụng tài nguyên;

Chỉ đạo quyết liệt trong công tác đầu tư, tiết giảm chi phí, nắm chắc diễn biến của thị trường tiêu thụ, rà soát xây dựng lại cơ chế tiêu thụ sản phẩm đáp ứng nhu cầu tiêu thụ của khách hàng nội địa.

Tuân thủ chặt chẽ các quy định của Điều lệ, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và các quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

## **V. CÔNG TÁC QUẢN TRỊ CÔNG TY:**

### **1. Hội đồng quản trị:**

#### **➤ Thành viên Hội đồng quản trị:**

Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ (Cổ phần)	Tỷ lệ (%)
1. Ông Phạm Thành Đô	Chủ tịch	399.800	3,173
2. Ông Nguyễn Việt Phương	P. Chủ tịch	Đại diện vốn NN	
3. Ông Trịnh Ngọc Hiếu	Thành viên	245.200	1,946
4. Ông Tạ Hồng Thăng	Thành viên	32.400	0,257
5. Ông Nguyễn Trung Hiếu	Thành viên	70.000	
6. Ông Trần Nguyên Nam	Thành viên	Đại diện vốn NN	
7. Ông Đỗ Khắc Hùng	Thành viên	78.000 (ĐD vốn NN)	0,619

#### **➤ Hoạt động của Hội đồng quản trị:**

Hội đồng quản trị tổ chức họp thường kỳ 01 lần/quý, đồng thời tổ chức họp lấy ý kiến bằng văn bản nhiều nội dung. Trong năm 2019, Hội đồng quản trị đã triệu tập Đại hội cổ đông bất thường để miễn nhiệm 2 thành viên và bầu bổ sung 2 thành viên theo quy định vào ngày 31/07/2019. Tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua điều chỉnh



kế hoạch kinh doanh năm tháng 10/2019 và thực hiện bổ nhiệm lại các chức danh quản lý đúng thời hạn. Cụ thể như sau:

Số TT	Thành viên HĐQT	Chức danh	Ngày bắt đầu /không còn là TV HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự họp
1	Ông Phạm Thành Đô	Chủ tịch		11/11	100%	
2	Ông Nguyễn Việt Phương	P. Chủ tịch		11/11	100%	
3	Ông Ma Ngọc Tiến	Thành viên	31/7/2019	6/6	100%	Miễn nhiệm
4	Ông Trịnh Ngọc Hiếu	Thành viên		11/11	100%	
5	Ông Tạ Hồng Thăng	Thành viên		10/11	90%	Bận công tác
6	Ông Nguyễn Trung Hiếu	Thành viên		11/11	100%	
7	Ông Vũ Trí Thức	Thành viên	31/7/2019	5/6	83%	Miễn nhiệm
8	Ông Trần Nguyên Nam	Thành viên	31/7/2019	5/5	100%	Bổ nhiệm
9	Ông Đỗ Khắc Hùng	Thành viên	31/7/2019	5/5	100%	Bổ nhiệm

Các phiên họp thường kỳ của Hội đồng quản trị đều có sự tham dự của đại diện Ban Kiểm soát Công ty và có thư ký Hội đồng quản trị ghi lại Biên bản chi tiết nội dung họp và có Nghị quyết các cuộc họp. Cụ thể trong năm 2019, Hội đồng quản trị đã ban hành 13 Quyết định và 12 Nghị quyết Hội đồng quản trị, cụ thể như bảng dưới đây:

Số TT	Số NQ/QĐ	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT	19/01/2019	<p>Nghị quyết HĐQT thường kỳ</p> <p>Điều 1: Thông qua sơ bộ BC kết quả SXKD quý IV/2018 và năm 2018. Số liệu cuối cùng sẽ được thông qua trên cơ sở BCTC đã được kiểm toán năm 2018.</p> <p>Điều 2: Thông qua nội dung định hướng xây dựng kế hoạch năm 2019:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản xuất 700 tấn kim loại, tiêu thụ 680 tấn kim loại.</li> <li>- Cổ tức bằng tiền <math>\geq 15\%</math>.</li> </ul> <p>Giao cho Ban giám đốc triển khai thực hiện.</p> <p>Điều 3: Giao cho Ban giám đốc chuẩn bị các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông năm 2019 thông qua. Ban kiểm soát lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2019.</p> <p>Điều 4: Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các phòng ban liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.</p>
2	1a/QĐ-HĐQT	21/01/2019	V/v cử đoàn công tác tại Châu Văn Sơn Trung Quốc

3	01/QĐ-HĐQT	04/03/2019	Quyết định khen thưởng cá nhân đạt danh hiệu thi đua năm 2018.
4	02/NQ-HĐQT	28/03/2019	<p>Nghị quyết HĐQT thường kỳ</p> <p>Điều 1: Thông qua báo cáo kết quả SXKD quý I/2019 và kế hoạch quý 2/2019.</p> <p>Điều 2: Thông qua nội dung trình tại đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- BC của HĐQT về công tác điều hành và kết quả hoạt động năm 2018.</li> <li>- Báo cáo hoạt động năm 2018 của Ban kiểm soát</li> <li>- Tờ trình điều chỉnh quỹ ĐTPT</li> <li>- Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2018</li> <li>- Tờ trình kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019</li> <li>- Tờ trình quyết toán thù lao 2018 và kế hoạch chi trả thù lao năm 2019</li> <li>- Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2019</li> </ul> <p>Điều 3: Phân công cho các thành viên thực hiện nội dung ĐHĐCĐ năm 2019.</p> <p>Điều 4: Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các phòng ban liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.</p>
5	02/QĐ-HĐQT	02/04/2019	Quyết định về mức chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2019
6	04/NQ-HĐQT	04/04/2019	<p>Nghị quyết HĐQT thông qua ý kiến bằng văn bản</p> <p>Điều 1. Thông qua việc lấy ý kiến của các thành viên HĐQT bằng văn bản về nội dung: Thông qua các nội dung Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần khai thác, chế biến khoáng sản Hải Dương (KHD).</p> <p>Điều 2: Thông qua kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến các thành viên HĐQT. Giao cho Công ty tiến hành triển khai thực hiện các công việc liên quan đúng theo quy định của pháp luật hiện hành.</p> <p>Điều 3: Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các phòng ban liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.</p>
7	05/NQ-HĐQT	22/04/2019	<p>Nghị quyết HĐQT thông qua ý kiến bằng văn bản.</p> <p>Điều 1: Lấy ý kiến của các thành viên HĐQT bằng văn bản về nội dung: Biểu quyết thông qua các nội dung Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần gang thép Cao bằng (CBI).</p> <p>Điều 2: Thông qua kết quả biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến các thành viên HĐQT. Giao cho Công ty tiến hành biểu quyết các nội dung liên quan đúng theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>

			Điều 3: Hội đồng quản trị, ban kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các phòng ban liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.
8	03/QĐ-HĐQT	23/4/2019	Quyết định về việc cử đoàn công tác tại Thành phố Châu Văn Sơn, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc Thời gian từ 5/5/2019 đến 7/5/2019
9	04/QĐ-HĐQT	24/5/2019	Quyết định về việc cử đoàn công tác tại Thành phố Châu Văn Sơn, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc
10	05/QĐ-HĐQT	15/6/2019	V/v hạn mức tín dụng ngắn hạn năm 2019
11	06/NQ-HĐQT	26/6/2019	Nghị quyết HĐQT thông qua ý kiến bằng văn bản. Điều 1. Thông qua nội dung Bổ nhiệm lại các chức danh quản lý Công ty như sau: 1. Ông Ma Ngọc Tiến - Giám đốc Công ty. 2. Ông Trịnh Ngọc Hiếu - Phó Giám đốc 3. Ông Nguyễn Văn Biên - Phó giám đốc 4. Ông Vũ Thắng Bình - Giám đốc Chi nhánh Hà Nội 5. Ông Đỗ Khắc Hùng - Kế toán trưởng Thời gian bổ nhiệm: Từ ngày 01/6/2019 – 30/3/2021 Điều 2: Các Ông có tên trên căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao triển khai thực hiện các công việc liên quan đúng theo quy định của pháp luật hiện hành. Điều 3: Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các phòng ban liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký./.
12	07/NQ-HĐQT	27/6/2019	Nghị quyết HĐQT thông qua ý kiến bằng văn bản. Điều 1: Triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2019. - Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông bất thường: Ngày 12/7/2019 - Ngày tổ chức: Từ 14 giờ ngày 25/7/2019 - Địa điểm tổ chức: Thông báo cho các cổ đông sau. - Nội dung cuộc họp: + Miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2016 – 2020; + Bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2016 - 2020. + Nội dung khác (nếu có) Điều 2: Giao cho Ban giám đốc Công ty, Chi nhánh Hà Nội tiến hành các thủ tục liên quan theo quy định. Điều 3: Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và các phòng ban, chi nhánh liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký./.
13	Số	28/6/2019	QĐ số 06;07;08;09;10 V/v bổ nhiệm lại các chức

	06;07;08;09;10 /QĐ-HĐQT		danh: Giám Đốc, Phó giám đốc, Giám đốc CNHN; Kế toán trưởng nhiệm kỳ 2019-2021
14	08/NQ-HĐQT	1/7/2019	<p>Nghị quyết HĐQT thông qua ý kiến bằng văn bản.</p> <p>Điều 1: Thay đổi ngày họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2019.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông bất thường: Ngày 22/7/2019</li> <li>- Ngày tổ chức ĐHĐCĐ bất thường: Từ 14 giờ ngày 31/7/2019.</li> <li>- Địa điểm tổ chức: Thông báo cho các cổ đông sau.</li> </ul> <p>Điều 2: Giao cho Ban giám đốc Công ty, CN Hà Nội tiến hành các thủ tục thông báo liên quan theo quy định.</p> <p>Điều 3: Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và các phòng ban, chi nhánh liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký./.</p>
15	09/NQ-HĐQT	24/8/2019	<p>Nghị quyết HĐQT thông qua ý kiến bằng văn bản</p> <p>Điều 1: Thông qua việc lấy ý kiến của các thành viên HĐQT bằng văn bản về nội dung họp Đại hội đồng cổ đông bất thường của Công ty cổ phần khai thác, chế biến khoáng sản Hải Dương (KHD) tổ chức ngày 28/8/2019.</p> <p>Điều 2: Thông qua kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến các thành viên HĐQT: 4/7 ý kiến đồng ý. Giao cho Công ty tiến hành triển khai thực hiện các công việc liên quan đúng theo quy định của pháp luật hiện hành.</p> <p>Điều 3: Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các phòng ban liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký./.</p>
16	10/NQ-HĐQT	9/9/2019	<p>Nghị quyết HĐQT thông qua ý kiến bằng văn bản</p> <p><b>Điều I:</b> Thông qua việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua một số vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngày đăng ký cuối cùng: 02/10/2019</li> <li>- Thời gian tổ chức lấy ý kiến: Trong tháng 10/2019</li> <li>- Địa điểm thực hiện: Số 390 đường Nguyễn Trãi TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang</li> <li>- Nội dung xin ý kiến: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thông qua tờ trình về việc điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 đã được thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 29/3/2019.</li> <li>+ Nội dung khác thuộc thẩm quyền đại hội (nếu có)</li> </ul> </li> </ul>



			<p><b>Điều II:</b> Giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị triển khai thực hiện các thủ tục liên quan theo quy định để tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thông qua quyết định đại hội đồng cổ đông.</p> <p><b>Điều III:</b> Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và các phòng ban, chi nhánh liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký./.</p>
17	11/NQ-HĐQT	22/10/2019	<p>Nghị quyết HĐQT thường kỳ</p> <p>Điều 1: Thông qua báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 9 tháng năm 2019 và kế hoạch 3 tháng cuối năm 2019.</p> <p>Điều 2: Thông qua sơ bộ kết quả Báo cáo tài chính quý 3/2019 trước kiểm toán</p> <p>Điều 3: Thông qua định hướng xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020. Giao cho Giám đốc Công ty xây dựng phương án cụ thể trình Hội đồng quản trị thông qua vào kỳ họp sau.</p> <p>Điều 4: Thông qua nội dung sáp nhập giữa Phòng Đầu tư và Phòng Kế hoạch kỹ thuật của Công ty. Giao cho Giám đốc Công ty triển khai thực hiện phù hợp với thực tế của Công ty.</p> <p>Điều 5: Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các phòng ban liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.</p> <p>Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký./.</p>
18	12/NQ-HĐQT	01/11/2019	<p>Nghị quyết HĐQT thông qua ý kiến bằng văn bản</p> <p>Điều 1. Ủy quyền có thời hạn đối với Ông Vũ Thắng Bình - Giám đốc Chi nhánh Hà Nội. Số CMND: 011882745, cấp ngày 21/6/2012, do Công an TP Hà Nội cấp làm Người đại diện phần vốn của Công ty cổ phần cơ khí và khoáng sản Hà Giang tại các đơn vị sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng (CBI): số cổ phần làm đại diện: 4.166.988 cổ phần (chiếm 9,68% vốn điều lệ)</li> <li>2. Công ty cổ phần khai thác, chế biến khoáng sản Hải Dương (KHD): số cổ phần làm đại diện: 613.116 cổ phần (chiếm 35,7% vốn điều lệ)</li> </ol> <p>Điều 2: Thời hạn ủy quyền: từ ngày 01/11/2019 đến ngày 30/03/2021. Hàng năm Hội đồng quản trị sẽ tiến hành đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của Người đại diện.</p> <p>Điều 3: Ông Vũ Thắng Bình có trách nhiệm thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo quy</p>

			<p>định tại Quy chế quản lý tài chính của Công ty cổ phần cơ khí và khoáng sản Hà Giang ban hành kèm theo Quyết định số 24/2018/QĐ-HĐQT ngày 01/09/2018 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cơ khí và khoáng sản Hà Giang và các nội quy, quy chế của Công ty, các quy định pháp luật hiện hành.</p> <p>Điều 4: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng, trưởng các phòng ban liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.</p>
19	Số 11/QĐ-HĐQT	01/11/2019	<p>Quyết định:</p> <p>Điều 1: Ủy quyền có thời hạn đối với Ông Vũ Thắng Bình, sinh ngày 09/12/1977. Hiện đang giữ chức vụ Giám đốc Chi nhánh Hà Nội. Số CMND: 011882745, cấp ngày 21/6/2012, do Công an TP Hà Nội cấp làm Người đại diện phần vốn của Công ty cổ phần cơ khí và khoáng sản Hà Giang tại các đơn vị sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng (CBI): số cổ phần làm đại diện: 4.166.988 cổ phần (chiếm 9,68% vốn điều lệ)</li> <li>2. Công ty cổ phần khai thác, chế biến khoáng sản Hải Dương (KHD): số cổ phần làm đại diện: 613.116 cổ phần (chiếm 35,7% vốn điều lệ)</li> </ol> <p>Điều 2: Thời hạn ủy quyền: từ ngày 01/11/2019 đến ngày 30/03/2021. Hàng năm Hội đồng quản trị sẽ tiến hành đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của Người đại diện</p> <p>Điều 3: Ông Vũ Thắng Bình có trách nhiệm thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo các quy định tại Quy chế quản lý tài chính của Công ty cổ phần cơ khí và khoáng sản Hà Giang ban hành kèm theo Quyết định số 24/2018/QĐ-HĐQT ngày 01/09/2018 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cơ khí và khoáng sản Hà Giang và các nội quy, quy chế của Công ty, các quy định pháp luật hiện hành.</p> <p>Điều 4: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng, trưởng các phòng ban liên quan và cá nhân nêu tại điều I chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.</p>
20	12/QĐ-HĐQT	13/11/2019	V/V cử đoàn đi công tác tại Châu vân Sơn- Vân Nam – Trung Quốc
21	13/QĐ-HĐQT	25/12/2019	V/v Chi thưởng vượt kế hoạch lợi nhuận trước thuế năm 2018 cho HĐQT, BKS, thư ký và Ban điều hành công ty.

➤ **Công tác giám sát của Hội đồng quản trị và Người quản lý:**

Hội đồng quản trị đã rà soát và bổ nhiệm lại các chức danh quản lý theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Tăng cường giám sát quản lý, ban hành lại các định mức kinh tế kỹ thuật để gia tăng hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh.

**2. Ban Kiểm soát:**

➤ **Thành viên và hoạt động của Ban Kiểm soát:**

Số TT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu /không còn là Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Trưởng ban		4	100%	
2	Bà Nguyễn Thị Lương Thanh	TV BKS		4	100%	
3	Ông Nguyễn Hữu Trọng	TV BKS		4	100%	

➤ **Hoạt động của Ban kiểm soát với HĐQT, Ban giám đốc điều hành và cổ đông**

- Tổ chức họp BKS định kỳ theo quý với 100% thành viên tham gia.
- Tham dự đầy đủ các buổi họp HĐQT với nhiều đóng góp ý kiến theo chức năng và thẩm quyền.
- Tiến hành rà soát các quy chế quản trị nội bộ của Công ty
- Tiến hành đi kiểm tra thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Thẩm tra báo cáo tài chính 6 tháng, năm do Công ty và Công ty TNHH Deloitte kiểm toán lập.

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát:**

**3.1. Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích:**

*Đơn vị tính: VND*

Stt	Thành viên	Chức danh	Thù lao	Lương, thưởng	Tổng cộng
<b>I</b>	<b>Hội đồng quản trị/Ban Giám đốc</b>				
1	Phạm Thành Đô	Chủ tịch HĐQT	120.000.000		120.000.000
2	Nguyễn Việt Phương	P.CT HĐQT	96.000.000		96.000.000
3	Trịnh Ngọc Hiếu	Thành viên HĐQT	96.000.000	487.665.600	583.665.600
4	Nguyễn Trung Hiếu	Thành viên HĐQT	96.000.000		96.000.000

5	Tạ Hồng Thăng	Thành viên HĐQT	96.000.000		96.000.000
6	Ma Ngọc Tiên (Miễn nhiệm 7/2019)	Thành viên HĐQT	80.000.000	682.740.000	762.740.000
7	Vũ Trí Thức (Miễn nhiệm 7/2019)	Thành viên HĐQT	56.000.000		56.000.000
8	Đỗ Khắc Hùng (Bổ nhiệm 7/2019)	Thành viên HĐQT	61.000.000		61.000.000
9	Trần Nguyên Nam (Bổ nhiệm 7/2019)	Thành viên HĐQT	40.000.000		40.000.000
10	Nguyễn Văn Biên	Phó Giám đốc		522.537.100	522.537.100
<b>II</b>	<b>Ban Kiểm soát</b>				
1	Nguyễn Ngọc Tuấn	Trưởng ban	96.000.000	294.730.142	390.730.142
2	Nguyễn Hữu Trọng	Thành viên	60.000.000	149.090.800	221.090.800
3	Nguyễn Thị Lương Thanh	Thành viên	60.000.000		60.000.000
<b>III</b>	<b>Thư ký Công ty</b>				
1	Đỗ Khắc Hùng	Thư ký Công ty (Kế toán trưởng)	46.000.000		46.000.000

### 3.2. Giao dịch của cổ đông lớn, cổ đông nội bộ:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Không						

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.

3.4. Thực hiện các quy định về quản trị Công ty:

Trong năm 2019, Công ty đã thực hiện nghiêm túc các quy định về quản trị Công ty, thực hiện báo cáo và công bố thông tin kịp thời về thông tin định kỳ cũng như bất thường của Công ty.

## VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM ĐÃ KIỂM TOÁN:

1. Ý kiến kiểm toán: Chấp nhận, có ngoại trừ.

Báo cáo kiểm toán số: 703/VN1A-HN-BC ngày 17 tháng 03 năm 2020 của Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

2. Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật của kế toán và kiểm toán

(Có đính toàn văn kèm theo).

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN  
HÀ GIANG**

*(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2019**



**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG**

Số 390 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang

Tỉnh Hà Giang, CHXHCN Việt Nam

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 31

250

NG T  
NHH  
OIT  
FN

DA - 1

## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG

Số 390 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang

Tỉnh Hà Giang, CHXHCN Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Thành Đô	Chủ tịch
Ông Nguyễn Việt Phương	Phó Chủ tịch
Ông Trịnh Ngọc Hiếu	Thành viên
Ông Nguyễn Trung Hiếu	Thành viên
Ông Tạ Hồng Thăng	Thành viên
Ông Đỗ Khắc Hùng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 31 tháng 7 năm 2019)
Ông Trần Nguyên Nam	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 31 tháng 7 năm 2019)
Ông Ma Ngọc Tiến	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 31 tháng 7 năm 2019)
Ông Vũ Trí Thức	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 31 tháng 7 năm 2019)

#### Ban Giám đốc

Ông Ma Ngọc Tiến	Giám đốc
Ông Trịnh Ngọc Hiếu	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Biên	Phó Giám đốc

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG**

Số 390 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang

Tỉnh Hà Giang, CHXHCN Việt Nam

---

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Ma Ngọc Tiên**  
**Giám đốc**

*Ngày 17 tháng 3 năm 2020*



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày ngày 17 tháng 3 năm 2020, từ trang 5 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Như trình bày tại Thuyết minh số 5 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty quyết định trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn cho khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng có sự khác biệt với chuẩn mực kế toán Việt Nam. Quyết định này của Ban giám đốc Công ty ở các năm tài chính trước đã dẫn đến việc chúng tôi phải đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với báo cáo tài chính của các năm tài chính đó. Nếu Công ty trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn cho khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng theo đúng hướng dẫn của chuẩn mực kế toán Việt Nam, trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, số cuối năm của khoản mục Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn sẽ tăng và khoản mục Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sẽ giảm cùng một số tiền khoảng 27,8 tỷ đồng (số dư đầu năm của khoản mục Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn sẽ tăng và khoản mục Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sẽ giảm cùng một số tiền khoảng 25,8 tỷ đồng, qua đó ảnh hưởng đến việc phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 03/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 3 năm 2019). Trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, số liệu năm nay của khoản mục Chi phí tài chính sẽ tăng và khoản mục Lợi nhuận trước thuế sẽ giảm cùng một số tiền khoảng 2 tỷ đồng (số liệu năm trước của khoản mục Chi phí tài chính sẽ giảm và khoản mục Lợi nhuận trước thuế sẽ tăng cùng một số tiền khoảng 1,8 tỷ đồng).



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### **Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng có thể có của vấn đề nêu trong đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **Các vấn đề cần nhấn mạnh**

Như trình bày tại Thuyết minh số 13 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Dự án nhà máy tuyển quặng Antimony Mậu Duệ đã được triển khai từ năm 2013 theo Quyết định số 212/QĐ-HĐQT ngày 22 tháng 7 năm 2013 về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình nhà máy tuyển quặng Antimon Mậu Duệ, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang. Dự án nhà máy tuyển quặng Antimony Mậu Duệ có kế hoạch chuyển đổi theo hướng nhỏ gọn và hiệu quả hơn. Công ty đã xây dựng phương án cụ thể và sẽ đưa ra thảo luận lấy ý kiến cổ đông trong Đại hội đồng cổ đông năm 2020.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 30 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, trong đó trình bày vấn đề không chắc chắn trọng yếu liên quan đến khoản phải nộp về Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Giang liên quan đến nghĩa vụ đóng góp cho địa phương để đầu tư, nâng cấp, duy tu, xây dựng hạ tầng kỹ thuật và xây dựng công trình phúc lợi trên địa bàn Tỉnh Hà Giang và khoản thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung cho giai đoạn 2008 – 2018 theo kết quả làm việc của Kiểm toán Nhà nước.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.



**Đặng Chí Dũng**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0030-2018-001-1

**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 17 tháng 3 năm 2020  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Nguyễn Anh Tuấn**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 1472-2018-001-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>94.684.698.880</b>	<b>145.198.138.413</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>7.540.496.008</b>	<b>17.126.179.548</b>
1. Tiền	111		6.240.496.008	13.126.179.548
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.300.000.000	4.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>51.800.000.000</b>	<b>102.500.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	51.800.000.000	102.500.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>2.023.079.650</b>	<b>10.070.378.815</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	422.488.778	6.010.798.771
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.038.829.984	2.065.989.992
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	1.288.001.741	2.719.830.905
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(726.240.853)	(726.240.853)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>33.053.099.719</b>	<b>15.376.626.973</b>
1. Hàng tồn kho	141		33.053.099.719	15.376.626.973
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>268.023.503</b>	<b>124.953.077</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	103.841.233	104.468.433
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		164.182.270	20.484.644
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>83.691.630.605</b>	<b>105.430.373.289</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>2.156.651.566</b>	<b>1.918.628.257</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	2.156.651.566	1.918.628.257
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>28.089.646.060</b>	<b>36.726.936.891</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	14.695.006.862	16.471.651.571
- Nguyên giá	222		64.763.676.058	62.393.377.992
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(50.068.669.196)	(45.921.726.421)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	13.394.639.198	20.255.285.320
- Nguyên giá	228		46.168.552.193	46.168.552.193
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(32.773.912.995)	(25.913.266.873)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>13</b>	<b>8.694.735.426</b>	<b>9.048.610.222</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		8.694.735.426	9.048.610.222
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5</b>	<b>42.849.640.725</b>	<b>53.724.836.350</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		12.756.900.240	12.756.900.240
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		69.469.880.000	69.469.880.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(39.377.139.515)	(28.501.943.890)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.900.956.828</b>	<b>4.011.361.569</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	1.900.956.828	4.011.361.569
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> <b>(270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>178.376.329.485</b>	<b>250.628.511.702</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>26.948.619.518</b>	<b>35.490.641.990</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>13.730.829.136</b>	<b>22.165.621.608</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	3.093.317.047	2.253.961.457
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	6.327.653.425	12.257.635.580
3. Phải trả người lao động	314		3.112.218.908	3.128.898.415
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		257.410.732	1.321.410.732
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	563.328.345	735.252.224
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		376.900.679	2.468.463.200
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>13.217.790.382</b>	<b>13.325.020.382</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		9.000.000	9.000.000
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	17	13.208.790.382	13.316.020.382
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>151.427.709.967</b>	<b>215.137.869.712</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>151.427.709.967</b>	<b>215.137.869.712</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		126.000.000.000	126.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		126.000.000.000	126.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.500.000.000	4.500.000.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(42.833.907.079)	(42.833.907.079)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		50.000.000.000	107.025.722.491
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.103.464.642	1.103.464.642
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		12.658.152.404	19.342.589.658
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		6.767.699.567	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		5.890.452.837	19.342.589.658
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>178.376.329.485</b>	<b>250.628.511.702</b>

*mm*

Hoàng Lê Khanh  
Người lập biểu

*Aleg*

Đỗ Khắc Hùng  
Kế toán trưởng



*Ma Ngọc Tiên*  
Ma Ngọc Tiên  
Giám đốc

Ngày 17 tháng 3 năm 2020

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>21</b>	<b>89.233.758.789</b>	<b>112.158.894.987</b>
<b>2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)</b>	<b>10</b>		<b>89.233.758.789</b>	<b>112.158.894.987</b>
3. Giá vốn hàng bán	11	22	61.746.831.489	65.097.252.816
<b>4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>27.486.927.300</b>	<b>47.061.642.171</b>
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	3.831.952.060	7.831.042.954
6. Chi phí tài chính	22		11.064.962.323	68.034.710
7. Chi phí bán hàng	25	25	1.210.369.501	1.237.075.412
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	11.221.297.066	11.965.110.378
<b>9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))</b>	<b>30</b>		<b>7.822.250.470</b>	<b>41.622.464.625</b>
10. Thu nhập khác	31		77.551.309	81.334.499
11. Chi phí khác	32		740.920.000	1.639.729.778
<b>12. Lỗ khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>	<b>26</b>	<b>(663.368.691)</b>	<b>(1.558.395.279)</b>
<b>13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>7.158.881.779</b>	<b>40.064.069.346</b>
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	955.261.845	4.860.889.788
<b>15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)</b>	<b>60</b>		<b>6.203.619.934</b>	<b>35.203.179.558</b>
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	494	2.467

Hoàng Lê Khanh  
Người lập biểu

Đỗ Khắc Hùng  
Kế toán trưởng



Mã Ngọc Tiên  
Giám đốc

Ngày 17 tháng 3 năm 2020

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>7.158.881.779</b>	<b>40.064.069.346</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	11.007.588.897	8.671.685.404
Các khoản dự phòng	03	10.875.195.625	-
Lỗi/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	7.853.547	(150.223.888)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(3.821.874.525)	(7.612.784.356)
Chi phí lãi vay	06	171.835.616	-
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>25.399.480.939</b>	<b>40.972.746.506</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	6.130.302.615	(3.500.629.007)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(17.915.259.419)	(2.354.313.948)
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(5.592.511.702)	(4.139.707.071)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	2.109.777.541	(3.143.858.256)
Tiền lãi vay đã trả	14	(171.835.616)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.813.210.094)	(5.249.689.964)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(6.441.382.200)	(3.649.506.801)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>1.705.362.064</b>	<b>18.935.041.459</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.777.636.597)	(8.502.519.791)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(51.800.000.000)	(102.500.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	102.500.000.000	106.300.000.000
4. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	-	500.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.358.404.540	7.342.770.630
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>54.280.767.943</b>	<b>3.140.250.839</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	14.000.000.000	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(14.000.000.000)	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(65.563.960.000)	(39.338.376.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(65.563.960.000)</b>	<b>(39.338.376.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(9.577.829.993)</b>	<b>(17.263.083.702)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>17.126.179.548</b>	<b>34.239.039.362</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(7.853.547)	150.223.888
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>7.540.496.008</b>	<b>17.126.179.548</b>



Hoàng Lê Khanh  
Người lập biểu



Đỗ Khắc Hùng  
Kế toán trưởng



Ma Ngọc Tiên  
Giám đốc

Ngày 17 tháng 3 năm 2020



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 604/QĐ-UB ngày 09 tháng 8 năm 1995 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Giang. Theo Quyết định số 2050/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Giang, Công ty Cơ khí và Khai thác Khoáng sản Hà Giang được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang. Công ty chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01 tháng 3 năm 2006 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1003000027 ngày 28 tháng 02 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 7 ngày 03 tháng 6 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 126.000.000.000 VND. Trong đó vốn góp Nhà nước là 58.762.800.000 VND, chiếm 46,64% vốn điều lệ. Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là HGM.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 154 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 156).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Công ty hoạt động trong ngành khai thác và chế biến khoáng sản. Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Khai thác quặng sắt;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Khai thác quặng, kim loại quý hiếm.

Hoạt động chính của Công ty là khai thác và chế biến quặng Antimony.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Cấu trúc Công ty bao gồm 01 văn phòng chính của Công ty đặt tại Hà Giang, 01 văn phòng chi nhánh đặt tại Hà Nội, 01 phân xưởng khai thác và 01 phân xưởng luyện Antimony đặt tại Hà Giang.

Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Khai thác Chế biến Khoáng sản Hải Dương	Hải Dương	35,7	35,7	Khai thác, chế biến khoáng sản



**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính**

***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Các khoản đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 8 năm 2019 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp” và các quy định kế toán hiện hành.

***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

***Nợ phải thu***

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

***Hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

***Tài sản cố định hữu hình và khấu hao***

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

25  
G  
H  
D  
N  
A-



Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc, thiết bị	05 - 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng Trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng Trong suốt thời gian thuê.

#### **Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

##### **Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất thể hiện giá trị quyền sử dụng đất tại tổ 2 phường Ngọc Hà và số 390 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang.

Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

##### **Bản quyền khai thác mỏ Antimony và chi phí đầu tư nghiên cứu**

Bản quyền khai thác và chi phí đầu tư nghiên cứu bao gồm quyền khai thác khoáng sản, chi phí hoàn nguyên môi trường và bản quyền bằng sáng chế - Đề tài Chì - Kẽm.

Theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 3940/QĐ/ĐCKS ("Giấy phép") ngày 27 tháng 12 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty được cấp quyền khai thác khoáng sản tại xã Mậu Duệ, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang trong vòng 30 năm kể từ ngày ký Giấy phép. Quyền khai thác khoáng sản được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của tài sản này bao gồm tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp theo Quyết định số 3068/QĐ-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc "Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản Quặng Antimony tại mỏ Mậu Duệ, xã Mậu Duệ, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang".

Chi phí hoàn nguyên môi trường là chi phí ước tính phải bỏ ra sau khi kết thúc khai thác để đóng cửa mỏ, phục hồi nguyên trạng mặt bằng đất và môi trường của mỏ tại xã Mậu Duệ, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang.

Quyền khai thác khoáng sản được Công ty khấu hao dựa trên số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp hàng năm theo Thông báo của Cục thuế Hà Giang, trong khi chi phí hoàn nguyên môi trường được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian còn lại của Giấy phép khai thác khoáng sản tính từ khi ghi nhận chi phí hoàn nguyên môi trường.

Các tài sản cố định vô hình còn lại được Công ty khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 - 5 năm.

### **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### **Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng tại Hà Nội và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê văn phòng tại Hà Nội đã được trả trước. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

### **Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### *Chi phí hoàn nguyên môi trường*

Theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 3940/QĐ/ĐCKS ("Giấy phép") ngày 27 tháng 12 năm 1996, Công ty có nghĩa vụ thực hiện việc đóng cửa mỏ, phục hồi nguyên trạng mặt bằng đất và môi trường của mỏ tại xã Mậu Duệ, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang vào thời điểm kết thúc thời hạn khai thác. Công ty đã thực hiện lập dự phòng cho chi phí hoàn nguyên môi trường nêu trên.

### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

### **Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



## **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty đang được hưởng ưu đãi thuế theo quy định tại Thông tư số 134/2007/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2007 của Bộ Tài chính (nay được thay thế bằng Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 và Thông tư số 123/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính) và Công văn số 3654/TCT-CS ngày 30 tháng 9 năm 2008 của Tổng Cục thuế. Theo đó, Công ty được áp dụng mức thuế suất ưu đãi là 10% trong 15 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh (năm 2006), được miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có lãi và được giảm 50% trong 09 năm tiếp theo.

Năm 2009 là năm thứ tư Công ty liên tục có lãi từ sau khi cổ phần hóa và được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, theo Công văn số 555/CT-KTT ngày 31 tháng 7 năm 2009 của Cục thuế tỉnh Hà Giang, năm 2007 là năm cuối cùng Công ty được hưởng ưu đãi miễn thuế; từ năm 2008 đến năm 2017, Công ty áp dụng ưu đãi giảm 50% số thuế phải nộp với mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10%. Từ năm 2018, Công ty áp dụng mức thuế suất ưu đãi 10% đối với hoạt động kinh doanh chính và mức thuế suất 20% đối với các hoạt động kinh doanh khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty không có khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Theo Nghị quyết số 712/2013/UBTVQH13 ngày 16 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, thuế suất thuế tài nguyên khai thác quặng Antimony áp dụng từ ngày 01 tháng 02 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 18%. Từ ngày 01 tháng 7 năm 2016, theo Nghị quyết số 1084/2015/UBTVQH13 ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, thuế suất thuế tài nguyên khai thác quặng Antimony là 20%.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Tiền mặt	662.315.479	641.641.170
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.578.180.529	12.484.538.378
Các khoản tương đương tiền (i)	1.300.000.000	4.000.000.000
	<b><u>7.540.496.008</u></b>	<b><u>17.126.179.548</u></b>

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại, hưởng lãi suất từ 4,3 – 5%/năm.



5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>	<b>51.800.000.000</b>	-	<b>102.500.000.000</b>	-
<i>Tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại</i>	<i>51.800.000.000</i>	-	<i>102.500.000.000</i>	-
<b>b. Đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>12.756.900.240</b>	-	<b>12.756.900.240</b>	-
<i>Công ty Cổ phần Khai thác Chế biến Khoáng sản Hải Dương (i)</i>	<i>12.756.900.240</i>	-	<i>12.756.900.240</i>	-
<b>c. Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>69.469.880.000</b>	<b>(39.377.139.515)</b>	<b>69.469.880.000</b>	<b>(28.501.943.890)</b>
<i>Công ty Cổ phần Gang Thép Cao Bằng (ii)</i>	<i>69.469.880.000</i>	<i>(39.377.139.515)</i>	<i>69.469.880.000</i>	<i>(28.501.943.890)</i>

(i) Trong năm 2019, Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Hải Dương chi trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ thực hiện 87% và trả cổ phiếu thưởng với tỷ lệ thực hiện 3% cho các cổ đông hiện hữu, nâng số lượng cổ phiếu Công ty nắm giữ từ 613.116 cổ phiếu lên 1.164.919 cổ phiếu.

(ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty sở hữu 4.166.988 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ sở hữu 9,69% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty đang trình bày khoản đầu tư tài chính vào Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng theo giá gốc với số tiền là 69.469.880.000 đồng và trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn với số tiền lần lượt là 39.377.139.515 và 28.501.943.890 đồng căn cứ theo số liệu báo cáo tài chính chưa được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng. Đồng thời, số vốn đầu tư của Công ty vào Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng trong công thức tính mức trích lập dự phòng được xác định bằng số lượng cổ phiếu Công ty nắm giữ nhân với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phiếu.

Công ty chưa đánh giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Tập đoàn Tokokosen - Nhật Bản	138.280.392	3.121.538.824
Phải thu các khách hàng khác	284.208.386	2.889.259.947
	<b><u>422.488.778</u></b>	<b><u>6.010.798.771</u></b>

**7. PHẢI THU KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>1.288.001.741</b>	<b>2.719.830.905</b>
- Tạm ứng cho nhân viên	406.491.675	352.677.151
- Lãi tiền gửi dự thu	683.712.603	2.220.242.618
- Phải thu khác	197.797.463	146.911.136
<b>b. Dài hạn</b>	<b>2.156.651.566</b>	<b>1.918.628.257</b>
- Ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường các mỏ	1.984.671.166	1.746.647.857
- Các khoản đặt cọc	171.980.400	171.980.400
	<b><u>3.444.653.307</u></b>	<b><u>4.638.459.162</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

**8. NỢ XẤU**

Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

Đối tượng	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Doanh nghiệp Tư nhân Xí nghiệp Xây lắp Thành Đồng	202.440.273	-	Trên 3 năm	202.440.273	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH Hạ Long	455.840.600	-	Trên 3 năm	455.840.600	-	Trên 3 năm
Khách hàng khác	67.959.980	-	Trên 3 năm	67.959.980	-	Trên 3 năm
	<b>726.240.853</b>	<b>-</b>		<b>726.240.853</b>	<b>-</b>	

Giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu được xác định bằng giá gốc của các khoản công nợ trừ đi giá trị dự phòng.

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	VND Dự phòng	Giá gốc	VND Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	4.626.004.556	-	2.856.036.981	-
Công cụ, dụng cụ	679.741.850	-	673.506.371	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	5.003.198.059	-	1.848.207.684	-
Thành phẩm	22.744.155.254	-	9.998.875.937	-
	<b>33.053.099.719</b>	<b>-</b>	<b>15.376.626.973</b>	<b>-</b>

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>103.841.233</b>	<b>104.468.433</b>
- Chi phí thuê văn phòng	103.841.233	104.468.433
<b>b. Dài hạn</b>	<b>1.900.956.828</b>	<b>4.011.361.569</b>
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.900.956.828	4.011.361.569
	<b>2.004.798.061</b>	<b>4.115.830.002</b>



11. TẶNG, GIÁM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu năm	22.636.779.630	31.144.345.296	556.448.200	8.055.804.866	62.393.377.992
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	249.506.713	2.120.791.353	-	-	2.370.298.066
Số dư cuối năm	22.886.286.343	33.265.136.649	556.448.200	8.055.804.866	64.763.676.058
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư đầu năm	18.557.056.293	20.519.822.519	539.934.032	6.304.913.577	45.921.726.421
Khấu hao trong năm	1.047.308.860	2.600.945.459	10.430.000	488.258.456	4.146.942.775
Số dư cuối năm	19.604.365.153	23.120.767.978	550.364.032	6.793.172.033	50.068.669.196
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày đầu năm	4.079.723.337	10.624.522.777	16.514.168	1.750.891.289	16.471.651.571
Tại ngày cuối năm	3.281.921.190	10.144.368.671	6.084.168	1.262.632.833	14.695.006.862

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 40.712.786.517 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 38.638.514.466 đồng).

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Quyền khai thác khoáng sản	Chi phí hoàn nguyên môi trường	Bản quyền, bằng sáng chế	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư đầu năm	2.827.595.455	22.723.027.000	17.920.493.837	380.554.359	2.316.881.542	46.168.552.193
Số dư cuối năm	2.827.595.455	22.723.027.000	17.920.493.837	380.554.359	2.316.881.542	46.168.552.193
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư đầu năm	906.450.851	14.824.379.400	7.485.000.721	380.554.359	2.316.881.542	25.913.266.873
Khấu hao trong năm	99.729.990	5.463.906.000	1.297.010.132	-	-	6.860.646.122
Số dư cuối năm	1.006.180.841	20.288.285.400	8.782.010.853	380.554.359	2.316.881.542	32.773.912.995
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày đầu năm	1.921.144.604	7.898.647.600	10.435.493.116	-	-	20.255.285.320
Tại ngày cuối năm	1.821.414.614	2.434.741.600	9.138.482.984	-	-	13.394.639.198

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 2.697.435.901 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 2.697.435.901 đồng).



**13. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>		
- Dự án Thăm dò nâng cấp trữ lượng mỏ Antimony Mậu Duệ (i)	6.406.990.734	6.406.990.734
- Dự án Nhà máy tuyển quặng Antimony Mậu Duệ (ii)	1.703.504.827	1.703.504.827
- Dự án Xây dựng trụ sở văn phòng Công ty	174.360.909	174.360.909
- Hệ thống trạm xử lý khí thải nhà máy luyện Antimony Mậu Duệ	8.911.632	518.447.039
- Công trình xử lý nước sau đập hạ lưu mỏ Antimony Mậu Duệ	400.967.324	245.306.713
	<b>8.694.735.426</b>	<b>9.048.610.222</b>

- (i) Dự án thăm dò nâng cấp trữ lượng mỏ Antimony Mậu Duệ vẫn đang trình hồ sơ thẩm định trữ lượng lên Hội đồng Trữ lượng Quốc gia, nếu được phê duyệt sẽ được cấp giấy phép mới, thời gian cấp phép phụ thuộc vào thời gian phê duyệt của Bộ Tài nguyên Môi trường.

Công ty đã có Công văn số 70/CV-CKKS ngày 22 tháng 12 năm 2018 gửi Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam về việc đề nghị kiểm tra tài liệu nguyên thủy 08 lỗ khoan thi công bổ sung thăm dò nâng cấp trữ lượng mỏ Antimony Mậu Duệ. Theo đó, Vụ Địa chất thuộc Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam đã có Phiếu trình giải quyết công việc số 05/PT-DC ngày 08 tháng 01 năm 2019 về việc kiểm tra, đánh giá tài liệu thăm dò nâng cấp mỏ Antimony xã Mậu Duệ, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang.

Đồng thời, Sở Công thương tỉnh Hà Giang cũng đã có Văn bản số 918/SCT-ATMT ngày 31 tháng 7 năm 2019 về việc tham gia ý kiến vào hồ sơ điều chỉnh thông số của Dự án mở rộng và nâng cấp bãi thải số I mỏ Antimony Mậu Duệ, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang. Theo đó, Sở Công thương tỉnh Hà Giang yêu cầu Công ty thực hiện quản lý chất lượng công trình và thi công vận hành đảm bảo an toàn lao động, trật tự an ninh xã hội trong khu vực, bảo vệ cảnh quan môi trường theo đúng quy định hiện hành.

- (ii) Dự án nhà máy tuyển quặng Antimony Mậu Duệ đã được triển khai từ năm 2013 theo Quyết định số 212/QĐ-HĐQT ngày 22 tháng 7 năm 2013 về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình nhà máy tuyển quặng Antimony Mậu Duệ, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang. Dự án nhà máy tuyển quặng Antimony Mậu Duệ có kế hoạch chuyển đổi theo hướng nhỏ gọn và hiệu quả hơn. Công ty đã xây dựng phương án cụ thể và sẽ đưa ra thảo luận lấy ý kiến cổ đông trong Đại hội đồng cổ đông năm 2020.

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<b>Số cuối năm</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	<b>Giá trị</b>	<b>Số có khả năng trả nợ</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Số có khả năng trả nợ</b>
- Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Đức Minh	827.075.040	827.075.040	767.822.880	767.822.880
- Công ty TNHH Thuận An	393.087.750	393.087.750	351.106.800	351.106.800
- Công ty TNHH xây dựng và đầu tư thương mại Minh Tuấn	1.130.329.200	1.130.329.200	-	-
- Trần Quang Khanh	-	-	254.505.900	254.505.900
- Phải trả cho các đối tượng khác	742.825.057	742.825.057	880.525.877	880.525.877
	<b>3.093.317.047</b>	<b>3.093.317.047</b>	<b>2.253.961.457</b>	<b>2.253.961.457</b>

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	221.474.024	1.012.719.024	1.115.199.003	118.994.045
Thuế thu nhập doanh nghiệp	857.948.249	955.261.845	1.813.210.094	-
Thuế thu nhập cá nhân	32.517.681	2.040.364.495	2.031.227.270	41.654.906
Thuế xuất khẩu	-	4.154.659.291	4.154.659.291	-
Thuế tài nguyên	67.059.026	9.056.744.640	8.587.325.906	536.477.760
Phí bảo vệ môi trường	-	252.305.747	236.509.633	15.796.114
Thuế môn bài	-	5.000.000	5.000.000	-
Tiền thuê đất	-	66.596.575	66.596.575	-
Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (i)	11.078.636.600	-	5.463.906.000	5.614.730.600
	<b>12.257.635.580</b>	<b>17.543.651.617</b>	<b>23.473.633.772</b>	<b>6.327.653.425</b>

- (i) Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp theo Quyết định số 3068/QĐ-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc "Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản Quặng Antimony tại mỏ Mậu Duệ, xã Mậu Duệ, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang". Số dư tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 thể hiện số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản còn phải nộp tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 2.434.741.600 đồng (thanh toán hàng năm theo thông báo của Cơ quan Nhà nước) và số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp cho phần trữ lượng đã khai thác từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 3.179.989.000 đồng (Nhà nước tạm thời chưa thu theo Văn bản số 723/TTg-KTN ngày 21 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ).

**16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	180.000.000	180.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	383.328.345	555.252.224
	<b>563.328.345</b>	<b>735.252.224</b>

**17. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí hoàn nguyên môi trường (i)	13.208.790.382	13.316.020.382
	<b>13.208.790.382</b>	<b>13.316.020.382</b>

- (i) Dự phòng phải trả dài hạn gồm chi phí hoàn nguyên môi trường ước tính mà Công ty phải nộp Ngân sách Nhà nước sau khi kết thúc khai thác khoáng sản để cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng		
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>126.000.000.000</b>	<b>4.500.000.000</b>	<b>(42.833.907.079)</b>	<b>107.025.722.491</b>	<b>1.103.464.642</b>	<b>15.556.192.846</b>	<b>211.351.472.900</b>		
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	35.203.179.558	35.203.179.558		
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(3.999.126.746)	(3.999.126.746)		
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(27.417.656.000)	(27.417.656.000)		
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>126.000.000.000</b>	<b>4.500.000.000</b>	<b>(42.833.907.079)</b>	<b>107.025.722.491</b>	<b>1.103.464.642</b>	<b>19.342.589.658</b>	<b>215.137.869.712</b>		
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	6.203.619.934	6.203.619.934		
Điều chỉnh quỹ đầu tư phát triển và Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết HĐQT năm 2019 (i)	-	-	-	(57.025.722.491)	-	57.025.722.491	-		
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	-	-	(4.349.819.679)	(4.349.819.679)		
Chia cổ tức (i)	-	-	-	-	-	(65.563.960.000)	(65.563.960.000)		
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>126.000.000.000</b>	<b>4.500.000.000</b>	<b>(42.833.907.079)</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>1.103.464.642</b>	<b>12.658.152.404</b>	<b>151.427.709.967</b>		

(i) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 03/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 3 năm 2019 đã thông qua một số nội dung, cụ thể như sau:

- Điều chỉnh quỹ đầu tư phát triển sang Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối số tiền là 57.025.722.491 VND;
- Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2018 bằng tiền là 83.445.040.000 VND (tương ứng 70% Vốn chủ sở hữu), trong đó:
  - Số hạch toán vào báo cáo tài chính năm 2018 là 17.881.080.000 VND;
  - Số trích vào báo cáo tài chính năm 2019 là 65.563.960.000 VND.
- Thông qua kế hoạch chi trả cổ tức năm 2019 bằng tiền mặt không thấp hơn 15%.
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi vào năm 2019 với số tiền 5.796.300.000 VND, trong đó:
  - Trích thưởng vượt kế hoạch năm 2018 cho Ban điều hành với số tiền 272.000.000 VND.
  - Trích quỹ Phúc lợi an sinh xã hội của Công ty với số tiền 1.300.000.000 VND.
  - Trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2018 số tiền 4.224.300.000 VND (số tiền đã trích năm 2018 là 1.759.647.418 VND, số tiền đã trích năm 2019 là 2.464.652.582 VND).

Ngoài ra, tạm trích 5% quỹ khen thưởng, phúc lợi từ Lợi nhuận sau thuế năm 2019 với số tiền 313.167.097 VND.

#### Số lượng cổ phiếu

##### Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.600.000	12.600.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	12.600.000	12.600.000
- Số lượng cổ phiếu quỹ	679.280	679.280
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	679.280	679.280
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.920.720	11.920.720
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	11.920.720	11.920.720

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

##### Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 7 ngày 03 tháng 6 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp, vốn điều lệ của Công ty là 126.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, vốn điều lệ của Công ty đã được góp đủ, chi tiết như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	58.762.800.000	47%	58.762.800.000	47%
Cổ đông nội bộ (thành viên HĐQT, BGD, BKS và KTT)	1.252.300.000	1%	1.252.300.000	1%
Công ty Cổ phần Khoáng sản Đồng Dương	4.000.000.000	3%	4.000.000.000	3%
Công ty TNHH Quốc tế DP	10.011.000.000	8%	10.011.000.000	8%
Cổ phiếu quỹ	6.792.800.000	5%	6.792.800.000	5%
Các cổ đông khác	45.181.100.000	36%	45.181.100.000	36%
<b>Tổng cộng</b>	<b>126.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>126.000.000.000</b>	<b>100%</b>



**19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**Tài sản thuê ngoài**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Từ 1 năm trở xuống	259.504.000	254.912.000
	<b><u>259.504.000</u></b>	<b><u>254.912.000</u></b>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê 80 m<sup>2</sup> tại tòa nhà Prime Centre, số 53 Quang Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội. Hợp đồng thuê văn phòng được ký với thời hạn 01 năm và được gia hạn hàng năm.

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Ngoại tệ các loại:</b>		
Đô la Mỹ (USD)	191.272.70	516.625.96
Nhân dân tệ (CNY)	14.711.76	7.440.76
<b>Kim khí quý, đá quý:</b>		
Vàng (chì)	19.22	19.22

**20. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là khai thác và chế biến quặng Antimony. Theo đó, thông tin chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018, toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018 đều liên quan đến hoạt động kinh doanh khai thác và chế biến quặng Antimony.

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý ngoài Việt Nam.

**21. DOANH THU BÁN HÀNG**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu bán kim loại Antimony	89.233.758.789	112.158.894.987
	<b><u>89.233.758.789</u></b>	<b><u>112.158.894.987</u></b>

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn khai thác và chế biến kim loại Antimony	61.746.831.489	65.097.252.816
	<b><u>61.746.831.489</u></b>	<b><u>65.097.252.816</u></b>

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	19.897.876.916	19.678.386.737
Chi phí nhân công	9.142.293.771	9.063.229.383
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.007.588.897	8.671.685.404
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.917.883.130	9.601.558.265
Chi phí khác bằng tiền	9.792.357.368	11.273.851.536
	<b>61.758.000.082</b>	<b>58.288.711.325</b>

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.821.874.525	6.376.552.356
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	1.236.232.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	10.077.535	218.258.598
	<b>3.831.952.060</b>	<b>7.831.042.954</b>

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>		
- Chi phí nhân viên quản lý	8.855.769.304	9.053.363.688
- Chi phí khấu hao	191.237.320	206.060.821
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	718.032.854	777.425.027
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.456.257.588	1.928.260.842
	<b>11.221.297.066</b>	<b>11.965.110.378</b>
<b>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>		
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.153.228.501	1.188.290.412
- Chi phí bán hàng khác	57.141.000	48.785.000
	<b>1.210.369.501</b>	<b>1.237.075.412</b>

26. LỖ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập khác	77.551.309	81.334.499
	<b>77.551.309</b>	<b>81.334.499</b>
Chi phí khác	740.920.000	1.639.729.778
Trong đó:		
- Tiền ủng hộ các hoạt động xã hội	740.920.000	1.401.440.000
- Tiền phạt	-	34.189.778
- Chi phí khác	-	204.100.000
	<b>740.920.000</b>	<b>1.639.729.778</b>
<b>Lỗ khác</b>	<b>(663.368.691)</b>	<b>(1.558.395.279)</b>

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>7.158.881.779</b>	<b>40.064.069.346</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(7.853.548)	1.444.490.598
Trong đó:		
- Cổ tức từ Công ty Cổ phần Khoáng sản Hải Dương	-	1.226.232.000
- Lãi/(lỗ) chênh lệch tỷ giá	(7.853.548)	218.258.598
Trừ: Ảnh hưởng của chênh lệch tạm thời	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	2.385.883.120	3.463.953.120
<b>Thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>9.552.618.447</b>	<b>42.083.531.868</b>
Thu nhập chịu thuế từ hoạt động kinh doanh chính (i)	16.820.073.853	35.761.869.501
Lỗ tính thuế từ hoạt động kinh doanh khác (i)	(7.267.455.406)	6.423.514.186
Thuế suất (i)	10% và 20%	10% và 20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>955.261.845</b>	<b>4.860.889.788</b>

- (i) Hoạt động chính được hưởng ưu đãi thuế suất 10%. Thu nhập chịu thuế từ hoạt động kinh doanh khác không được hưởng ưu đãi miễn, giảm thuế, mà áp dụng theo các quy định hiện hành về thuế thu nhập doanh nghiệp.

Theo Luật số 32/2013/QH13 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn liên quan, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016, Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% đối với lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh khác.

Trong năm 2019, Lỗ tính thuế từ hoạt động kinh doanh khác được bù trừ với Thu nhập chịu thuế từ hoạt động kinh doanh chính và áp dụng thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp 10%.

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>6.203.619.934</b>	<b>35.203.179.558</b>
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(313.167.097)	(5.796.300.000)
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>5.890.452.837</b>	<b>29.406.879.558</b>
Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	11.920.720	11.920.720
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>494</b>	<b>2.467</b>

- (\*) Công ty tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 5% từ lợi nhuận sau thuế năm 2019 như trình bày tại Thuyết minh số 18.



Như đã trình bày tại Thuyết minh số 18, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 03/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 3 năm 2019 đã thông qua phương án tạm tính Quỹ khen thưởng năm 2019 và trích Quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2018 của Công ty, dẫn đến việc trình bày lại lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, cụ thể như sau:

	<b>Năm trước</b>	
	<b>Số đã báo cáo VND</b>	<b>Số trình bày lại VND</b>
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>35.203.179.558</b>	<b>35.203.179.558</b>
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (bằng 5% Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp)	(1.759.647.418)	(5.796.300.000)
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>33.443.532.140</b>	<b>29.406.879.558</b>
Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	11.920.720	11.920.720
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.805</b>	<b>2.467</b>

**29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:*

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn nhà nước	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	Quản lý, điều hành Công ty
Công ty Cổ phần Khai thác Chế biến Khoáng sản Hải Dương	Công ty liên kết

Trong năm, Công ty có giao dịch với bên liên quan như sau:

	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
<b>Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước</b>		
Cổ tức đã trả	32.319.540.000	19.391.724.000
<b>Công ty Cổ phần Khai thác Chế biến Khoáng sản Hải Dương</b>		
Cổ tức được chia	-	1.236.232.000

Thu nhập Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị được hưởng trong năm như sau:

	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
Hội đồng Quản trị	972.000.000	972.000.000
Ban Giám đốc	2.368.243.900	2.088.801.992

**30. CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG**

- (1) Theo Quyết định số 2621/2012/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hà Giang về việc quy định tạm thời mức đóng góp từ hoạt động khai thác khoáng sản, Công ty có nghĩa vụ đóng góp cho địa phương để đầu tư nâng cấp, duy tu, xây dựng hạ tầng kỹ thuật và xây dựng công trình phúc lợi trên địa bàn Tỉnh Hà Giang.

Cục thuế Tỉnh Hà Giang đã có Báo cáo số 109/BC-CT ngày 26 tháng 6 năm 2014 đề nghị Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hà Giang xem xét báo cáo thường trực Hội đồng Nhân dân Tỉnh về việc tạm dừng thực hiện thu khoản đóng góp nêu trên. Đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính này, Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hà Giang chưa đưa ra quyết định cuối cùng đối với việc dừng thu các khoản đóng góp cho địa phương nêu trên.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty chưa ghi nhận khoản đóng góp cho địa phương với số tiền ước tính là 53.610.000.000 VND trên báo cáo tài chính do chưa chắc chắn kết quả của vấn đề nêu trên.

- (2) Theo Biên bản làm việc ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Đoàn kiểm toán ngân sách địa phương tỉnh Hà Giang, Tổ kiểm toán tổng hợp thu, Đoàn kiểm toán Ngân sách địa phương tỉnh Hà Giang kiến nghị thu bổ sung thuế Thu nhập doanh nghiệp cho giai đoạn 2008 - 2018 với số tiền là 39.629.986.167 VND. Công ty đã xác nhận trên biên bản không đồng ý với nội dung thu thuế nêu trên và đề nghị được giải trình bằng văn bản. Đại diện cục thuế tỉnh Hà Giang cũng xác nhận trên biên bản về việc ưu đãi thuế của Công ty là theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ. Tổ kiểm toán cũng đề nghị Công ty có ý kiến về các nội dung trên bằng văn bản gửi đoàn kiểm toán, Kiểm toán Nhà nước khu vực VII. Ngày 20 tháng 9 năm 2019, Cục thuế Tỉnh Hà Giang đã có Công văn số 716/CT-KK gửi Tổng cục thuế xin chỉ đạo phương án xử lý. Đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính này, Tổng cục thuế chưa có văn bản trả lời. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty chưa ghi nhận khoản nộp bổ sung thuế thu nhập doanh nghiệp kể trên trên báo cáo tài chính do chưa chắc chắn kết quả của vấn đề nêu trên.



**Hoàng Lê Khanh**  
Người lập biểu



**Đỗ Khắc Hùng**  
Kế toán trưởng



**Ma Ngọc Tiên**  
Giám đốc

Ngày 17 tháng 3 năm 2020